

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 172

TỊNH ĐỘ HOẶC VẤN
SỐ 1972

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1972

TỊNH ĐỘ HOẶC VẤN

*Đời Nguyên, Sư Tử Lâm Thiên Như trước tác.
Đời Minh, Ngài Vân Thê Châu Hoằng biên tập,
đệ tử Quảng Tín hiệu đính.*

Thiên Như lão nhân đang tĩnh tọa nơi thất Ngọa vân, có người khách đẩy cửa bước vào, tự xưng là Thiên khách. Lão nhân bèn mời ngồi. Ngồi lâu, ánh tịch dương xuyên qua song trúc, lò hương thiền khói sắp muốn tan. Khách bèn đứng dậy, thưa mà hỏi.

Hỏi: Trộm nghe xưa Hòa thượng Vĩnh Minh Diên Thọ, bảm thọ môn học đơn truyền nơi Thiệu quốc sư ở núi Thiên thai, là cháu đích tôn của Ngài Pháp Nhãn. Khi Hòa thượng trụ trì chùa Tịnh Từ ở Hàng Châu, chúng có đến mấy ngàn, biện tài cơ trí như gió cuốn sấm vang, thiền lâm trong và ngoài nước đều tôn xưng Ngài là bậc đại tông trưởng. Cớ sao ngoài việc nói Thiên, Ngài còn tự tu Tịnh độ, lại còn dạy người, viết sách để truyền bá pháp môn Tịnh độ ở thế gian, đồng thời còn soạn kệ Tứ liệu giản, đại để nói: “Có thiền không Tịnh độ; mười người chín lầm đường... không Thiên có Tịnh độ; muôn tu muôn người sinh.” Xem qua những lời dạy như thế, thì Ngài đã chủ trương Tịnh độ, không ít nhiều khoan dung, tự hạ thấp môn thiền của mình, hơi quá lời tán thán Tịnh độ. Điều này rất nhiều vị sinh tâm nghi ngờ, mong Ngài giải thích cho?

Đáp: Lời hỏi của ông thật thích đáng. Ông nên biết Đại sư Vĩnh Minh chẳng phải là quá lời tán thán pháp môn Tịnh độ, mà thật ra lời nói của Ngài có công rất lớn đối với bên Tông cả bên Giáo. Chỉ tiếc Ngài Vĩnh Minh lược nói đại cương, mà chưa phát minh hết ý thú, nên chưa đánh tan hết các mối nghi hoặc của Thiên giả. Tôi xưa nay học về

Thiền, chưa am tường mấy về giáo lý Tịnh độ, nên cũng thường xem qua mấy bộ sách Tịnh độ, nên có được chút hiểu biết Tịnh độ vốn là môn dễ thực hành, dễ chứng đắc, nhưng cũng là pháp khó nói, khó tin.

Vì thế, lúc Đức Từ phụ Thích-ca còn tại thế, Ngài vì các đệ tử mà thuyết kinh A-di-đà, đã dự biết trước chúng sinh thời Mạt pháp khó sinh lòng tin tưởng, quy hướng. Do đó, Ngài đã dẫn lời sáu phương chư Phật hiện tướng lưỡi rộng dài nói lời thành thật, để phát khởi lòng tin và phà trừ mọi nghi hoặc của chúng sinh. Ở cuối bản kinh, nhân nói việc chư Phật tán thán mình, Ngài lại tự nói: “Nên biết Ta ở đời ngũ trước ác thế, thường làm các việc khó làm, vì tất cả chúng sinh ở thế gian này mà nói pháp khó tin này, đây quả thật là điều vô cùng khó!” Đó là những lời tha thiết ân cần dặn dò, khuyến khích sách tấn các chúng sinh tin tưởng. Và lại, Đấng Đại Bi Thế Tôn rủ lòng thuyết giáo cứu đời mạt kiếp, phạm chính từ kim khẩu của Ngài nói ra, một câu một bài kệ, hàng nhân và phi nhân đều tín thọ phụng hành, chỉ riêng về pháp môn Tịnh độ, thì thế gian có sự nghi ngờ. Vì sao? Do vì giáo môn Tịnh độ rất rộng lớn, nhưng pháp tu thực rất đơn giản. Với pháp môn rất rộng lớn mà rất dễ hành trì, nên người nghe phần nhiều không thể không sinh tâm nghi ngờ.

Nơi rộng lớn là pháp môn này thâm nhiếp hết mọi căn cơ, trên đến hàng Nhất sinh bồ xứ trong địa vị Đẳng giác Bồ-tát cũng cầu sinh Tịnh độ, dưới đến hàng ngu phu ngu phụ, cùng hàng vô trí phạm đủ tội ngũ nghịch thập ác, khi lâm chung chỉ cần rủ lòng sám hối, hướng tâm về Tịnh độ, đều quyết được vãng sinh. Còn nói giản dị là pháp môn này, người tu không phải trải qua sự hành trì gian lao cực nhọc, chỉ cần chuyên tâm trì niệm bốn chữ A-di-đà Phật, do công đức đó mà sớm lìa bỏ cõi Ta-bà, vãng sinh về thế giới Tịnh độ, chứng đắc quả vị Bất thoái chuyển, từ đó lần đến thành Phật mới thôi. Bởi do sự rộng lớn của pháp môn Tịnh độ như kia, sự giản đơn của pháp môn Tịnh độ như nay. Vì thế, mặc dù là kẻ trí, vẫn không thể không sinh nghi ngờ. Nay ông đã hiểu như thế, thì có thể biết những lời tán thán của đại sư Vĩnh Minh đối với pháp môn Tịnh độ là có ý sâu xa và không quá đáng lắm vậy.

Hỏi: Việc rộng lớn mà lại giản dị của pháp môn Tịnh độ, tôi đã từng nghe chỉ dạy. Những bậc đại trí trong Thiền tông đã gọi là kiến tánh thành Phật, thì cần gì phải cầu sinh về cõi Tịnh độ?

Đáp: Do ông chưa biết mới nói đó thôi. Chứ thật ra những bậc đại trí đạt ngộ Thiền, lại càng sinh tâm khẩn thiết cầu sinh Tịnh độ. Cổ nhân nói: “Nếu không cầu sinh Tịnh độ, thì còn cảnh nào để cầu sinh.” Do

hiện nay ông chưa đạt ngộ, còn bằng ông đã đạt ngộ rồi, thì e rằng chí nguyện cầu sinh Tây phương của ông, vạn trâu kéo cũng không lại.

Hỏi: Chư Phật và các bậc Tổ sư sở dĩ xuất hiện ở thế gian là vì sự giáo hóa chúng sinh. Người tu hành vì chưa xong đại sự, còn như đại sự đã xong, thì nên nỗ lực giáo hóa, tùy loại hóa thân vào các nơi chốn khổ, không ngại đường sinh tử mà rộng độ chúng sinh. Nay kẻ đã đạt ngộ, lại mang tâm cầu sinh Tịnh độ, tức là chán khổ cầu vui, không đoái hoài gì những kẻ đang đắm trong biển sinh tử? Với việc chán khổ cầu vui như thế, hoàn toàn không phải là sở nguyện của tôi?

Đáp: Vừa thấy trứng không muốn đợi qua đêm mà muốn nở, tâm niệm đó quả thật là gấp gáp. Ông cho rằng người tu hành một phen sau khi tỏ ngộ, thì lậu tập hoàn toàn tiêu diệt, bèn chứng được quả vị Bất thoái chuyển sao? Ông cho rằng một phen sau khi đạt ngộ, lại không cần phải học Phật pháp, không cần phải tiếp tục tu hành để chứng đắc quả vị từ thấp lên cao sao? Ông cho rằng một phen sau khi đạt ngộ, liền có thể ngang bằng với chư Phật, có thể ra vào sinh tử, không bị các chướng duyên làm nhiều loạn hay sao? Xét như thế, thì chư vị Bồ-tát trải qua hằng hà sa số kiếp tu lục độ vạn hạnh, cũng đều xấu hổ đối với ông.

Người xưa từng dạy: “Bồ-tát còn mê khi cách ấm, Thanh văn còn muội khi xuất thai.” Huống gì thời nay, người hiểu mỏng ngộ cạn, nói việc tự cứu mình còn chưa xong. Giả sử có chỗ đạt ngộ sâu xa, trí thông hiểu cao sáng, hạnh cùng giải tương ứng, chí nguyện muốn độ người mãnh liệt. Nhưng ngại nổi, người tu hành khi chưa chứng lên quả Bất thoái, thì lực dụng chưa đầy đủ, mà muốn ở lại cõi Ta-bà ác trước này để giáo hóa chúng sinh càng cường, việc này hàng Tiên Thánh còn chưa dám hứa. Ví như người đem chiếc thuyền đóng trám chưa kỹ, chèo ra giữa biển sóng lớn để vớt người, tất yếu mình và người đều bị đắm chìm, lý do tất nhiên là như vậy. Vì thế trong luận Vãng Sinh nói: “Muốn thông dong du hí nơi cõi địa ngục, tất trước phải cầu sinh Tịnh độ; sau khi đã chứng đắc Vô sinh pháp nhẫn rồi, mới trở lại sinh tử cứu khổ chúng sinh. Do nguyên nhân như thế, mà người tu hành cần phải cầu sinh Tịnh độ. Lại các bậc Tiên Thánh có nói: “Người tu khi chưa chứng được quả vị bất thoái, không thể vào cõi tục hóa độ chúng sinh; chưa chứng được Vô sinh pháp nhẫn, cần phải thường không xa rời Phật. Ví như trẻ thơ, không thể rời mẹ, lại như chim non không thể chuyển cành.”

Nay ở cõi Ta-bà, Đức Thích-ca đã diệt độ, Đức Di-lặc chưa hạ

sinh. Huống nữa cõi này bốn ác khổ thú, nhân quả dây dưa, đầy khắp ngoại đạo tà kiến, thị phi làm rối loạn. Sắc đẹp tiếng tăm hàng mê hoặc, cảnh duyên uest độc mãi phủ quanh. Hiện tại đã không có Phật để nương, lại còn bị cảnh duyên nhiễu loạn. Hàng sơ tâm ngộ đạo, mấy ai gặp cảnh ngộ như thế mà không bị thối bại.. Vì vậy, Thế Tôn đã ân cần chỉ thẳng lối về thế giới Cực lạc, là cũng bởi lý do đó. Bởi Đức A-di-đà kia đang hiện tại thuyết pháp, thắng duyên cõi Cực lạc, đầy đủ các món thanh tịnh, lại nương vào sức Phật, nên nhân lực dễ thành. Quyết sớm chứng được quả vị Phật, thân cận Phật ắt được thọ ký. Sau đó trở lại cõi Ta-bà giáo hóa chúng sinh, ra vào tự tại. Do bởi các nguyên nhân như thế, mà kẻ thượng căn lợi trí còn nguyện thác sinh, huống gì ông thuộc vào loại trung căn, đối với sự tu hành có đôi chút tỏ ngộ.

Ông không thấy trong kinh Quán Phật Tam-muội, Ngài Văn-thù-sư-lợi tự bày tỏ túc nhân của mình: “Ta đã chứng đắc được pháp Niệm Phật Tam-muội, thường cầu sinh về cõi Tịnh độ.” Thế Tôn bèn thọ ký cho Bồ-tát Văn-thù: “Ông sẽ được vãng sinh về thế giới Cực lạc.” Lại không thấy trong kinh Hoa Nghiêm, Bồ-tát Phổ Hiền khuyến tấn đồng tử Thiện Tài cùng đại chúng hải hội, dùng mười đại nguyện làm chỗ quy hướng về thế giới Cực lạc. Kệ nói: “Nguyện tôi khi đến lúc lâm chung; Dứt trừ tất cả điều chướng ngại; Diện kiến đức Phật A-di-đà, Liên được vãng sinh về cõi Cực lạc.” Lại nói: “Chúng hội Di-đà đều thanh tịnh; tôi từ hoa sen nở ra; thân thấy Đức Phật Vô Lượng Quang; Liên thọ ký tôi đạo Bồ-đề; nhờ Đức Phật kia thọ ký rồi; tôi hóa vô số vạn ức thân; trí tuệ rộng lớn khắp mười phương; khắp lợi tất cả Pháp giới.”

Ông lại không thấy bài kệ thọ ký Bồ-tát Long Thọ trong kinh Lăng-già:

*“Trong nước Nam Thiên trúc
Có danh đức Tỳ-kheo
Tôn hiệu là Long Thọ
Khéo phá vô tông hữu
Pháp vô thượng Đại thừa
Chứng sơ Hoan hỷ địa
Sinh về nước Cực lạc.”*

Lại không thấy trong luận Đại thừa Khởi Tín, Bồ-tát Mã Minh có lời phát nguyện vãng sinh. Trong luận Vô Lượng Thọ, Bồ-tát Thế Thân cũng hết sức tán thán pháp môn Tịnh độ. Lại không thấy trong kinh Đại Bảo Tích, Đức Phật ấn chứng hứa khả cho vua Tịnh Phạn cùng bảy vạn người họ Thích, đồng vãng sinh nước An dưỡng. Trong kinh Thập

Lục Quán, Đức Phật đã chỉ dạy phu nhân Vi-đề-hy cùng năm trăm tỷ nữ, thành tựu ý nguyện lễ bái đức Phật A-di-đà. Lại nữa, đức vua Tịnh Phạn và hoàng hậu Vi-đề-hy... đều là các bậc hiện tiền chứng được Vô sinh pháp nhẫn.

Ở Tây Trúc, số vị được vãng sinh Tịnh độ như thế không thể tính xiết được. Còn ở Đông độ, có Đại sư Tuệ Viễn ở Lô Sơn, cùng những vị cao nhân kết hội Bạch Liên xã. Các bậc tôn túc trong các tông Thiên Thai, Hiền Thủ, ngoài việc tự tu Tịnh độ còn đem giáo hóa người, kể tăng lẫn tục, được vãng sinh Tịnh độ, số lượng như thế không sao xiết kể. Đến như hai Ngài Văn-thù, Phổ Hiền đều là bậc đại Bồ-tát; đồng tử Thiện tài và hải chúng Hoa tạng đều là những vị Thiện tri thức, sự tỏ ngộ đồng hàng với Bồ-tát thập địa. Các Ngài Mã Minh, Long Thọ cũng đều là những bậc đại tổ sư của Thiên tông.

Các bậc Thánh nhân trên, chỗ chứng ngộ của họ so với kẻ chứng ngộ ngày nay có được mấy người. Thế mà các Ngài, đều nguyện vãng sinh về thế giới Cực lạc, thân cận đức Phật A-di-đà. Còn ông cho rằng sau khi đã tỏ ngộ, thì không cần cầu sinh Tịnh độ, như thế thì các bậc đại Bồ-tát như Văn-thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ... so ra đều không bằng ông. Sao ông lại không tự xét tâm, tự lượng sức tu của mình, thật có hơn hai vị đại Bồ-tát, hai vị đại Thiên tổ đó không. Chỗ tham học các bậc Thiện tri thức, chỗ đạt ngộ Phật tánh của ông, thật có hơn đồng tử Thiện Tài và hải chúng Hoa tạng đó không. Chỗ chứng đắc Vô sinh pháp nhẫn, được Phật ấn chứng có hơn đức vua Tịnh Phạn và hoàng hậu Vi-đề-hy hay không. Lại đức vua Tịnh Phạn là thân phụ của Phật, bầy vạn người họ Thích là quyến thuộc của Phật. Nếu sinh về Tịnh độ, là không có sự lợi ích, thì Phật nữ nào đi đối trá thân phụ và bà con quyến thuộc của mình. Trước đây, nói người là chứng Vô sinh pháp nhẫn, có thể vào tục hóa độ chúng sinh, nay thân phụ và bà con của Ngài đã chứng được nhẫn lực này, thế mà đức Phật còn thọ ký cho họ vãng sinh, thì tấm lòng bảo hộ và hộ trì của Đức Như Lai, chẳng phải là thân thiết lắm sao.

Tôi thấy rất nhiều vị tu Thiên ngày nay, không xét liễu nghĩa của Như Lai, không rõ huyền cơ của Đạt-ma, bụng rộng lòng không, tập quán thành cuồng vọng. Khi thấy người tu Tịnh độ, thì cười ngạo nói: “Đó là chỗ học chỗ làm của ngu phu, ngu phụ.” Tôi cho rằng lời nói đó không phải là khinh thường các hàng ngu phu ngu phụ mà chính là khinh thường các vị Bồ-tát như Văn-thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ. Người đó tự mê chánh đạo, tự làm mất thiện căn, tự làm

hại tuệ thân mà còn làm mất giống Phật, trở thành nghiệp phỉ báng chánh pháp, lại còn chiêu cảm nghiệp khinh chúng tăng. Chư Phật, chư Tổ các Ngài thấy vậy vô cùng thương xót. Nhân đây, Hòa thượng Vĩnh Minh, vô cùng thương xót, đem hết tâm can chủ trương pháp môn Tịnh độ, không những Ngài tự tu, mà dùng pháp Ngài để giáo hóa người khác. Cho nên, khi lâm chung, Ngài biết trước giờ chết, có các tướng đặc biệt thù thắng, như lúc trà tỳ xá-lợi từ thân tuôn ra vô số.

Nghe nói có một vị Tăng ở Phủ châu, thường ngày cung kính đi nhiễu xung quanh tháp Ngài, mọi người hỏi lý do, vị Tăng đó đáp: “Nhân tôi khi bệnh nặng, thần thức đi vào minh giới, Diêm vương xét thấy dương số chưa hết, bèn cho trở về. Tôi thấy bên trái điện Diêm vương thiết bàn thờ bức tượng của một vị Tăng, Diêm vương lễ bái cung kính. Tôi hỏi vị chủ quan, vị đó đáp: “Đó là Thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ, do Ngài tu hành tinh tấn, được sinh về thượng phẩm ở cõi Cực lạc, cho nên Diêm vương họa bức tranh của Ngài để lễ bái.” Xét đại sư Vĩnh Minh đã tỏ ngộ Thiền trực chỉ của Đạt-ma Tổ sư, lại gởi thân nơi cõi Cực lạc, do đó mà giải mở mối tình chấp của người tu Thiền và cũng làm duyên khuyến tấn cho chúng sinh trong thời mạt pháp. Vì thế tôi nói Ngài có công rất lớn đối với cả bên Tông bên Giáo là ở điểm đó.

Song chẳng phải đặc biệt chỉ có Thiền sư Vĩnh Minh mà thôi. Như Thiền sư Tử Tâm Tân có trước tác văn khuyến tu Tịnh độ, có đoạn viết: “Di-đà rất dễ niệm, Tịnh độ rất dễ sinh.” Lại nói: “Người tham thiền rất cần kiêm thêm niệm Phật. Nếu có kẻ căn cơ ngu độn, sợ e rằng đời này chưa được đại ngộ, thì cần nương tựa nguyện lực Di-đà, tiếp dẫn vãng sinh Cực lạc.” Lại nói: “Các ông nếu nhất tâm niệm Phật mà không được vãng sinh Tịnh độ, lão Tăng này xin đọa địa ngục Rút lưỡi.” Lại như Thiền sư Chân Yết Liễu khi trước tác văn Tịnh độ, có nói: “Người trong tông Tào Động cần nên tu Tịnh độ, vì sao như thế. Do bởi pháp môn niệm Phật là đường tắt tu hành. Xét trong Đại tạng, pháp môn này, ngoài việc thâm nhiếp căn khí thượng thượng, còn thâm nhiếp căn cơ trung hạ: Lại nói: “Bậc đại tượng trong tông môn, đã đạt ngộ pháp bất không bất hữu, lại còn hướng về chăm chú nơi Tịnh nghiệp, thế chẳng phải sự thấy Phật của Tịnh nghiệp rất dễ so với tông môn sao?” Lại nói: “Cho dù Phật hay Tổ, bên Giáo hay bên Thiền, đều tu Tịnh độ, đồng quy về một nguồn. Vì thế, nhập vào được môn này, thì vô lượng pháp môn đều được nhập vào.”

Đến như các Ngài Thiên Y Hoài Thiền sư, Viên Chiếu Bản Thiền sư, Từ Thọ Thâm Thiền sư, Nam Nhạc Tư Thiền sư, Pháp Chiếu Thiền

sư, Tịnh Đại Từ Thông Thiền sư, Thiên Thai Hoài Ngọc Thiền sư, Lương Đạo Trân Thiền sư, Đường Đạo Xước Thiền sư, Tỳ Lăng Pháp Chân Thiền sư, Cô Tô Thủ Nạp Thiền sư, Bắc Nhân Giản Thiền sư, Thiên Mục Lễ thiền sư. Những bậc đại lão đó, đều là những bậc đại tông tượng trong Thiền môn. Xét ra các Ngài đều hoặc mật tu, hoặc hiển hóa phát dương tông chỉ Tịnh độ, tuy không ước hẹn mà ngẫu nhiên đồng đường. Song, chẳng phải chỉ có các bậc đại lão như thế mà thôi. Tôi từng nghe một vị lão túc bên Tông môn nói: “Hợp ngũ gia tông phái, hầu hết các Thiền tăng trong thiên hạ, hoặc đã ngộ hoặc chưa ngộ, không có vị nào là không quy hướng Tịnh độ.” Tôi bèn hỏi nguyên do, vị đó đáp: “Như Thiền sư Bách Trượng Đại Trí Hải, là vị nối pháp truyền đạo của Giang Tây Mã Tổ, những Tông lâm trong thiên hạ, đều nương theo cách thức của Ngài mà kiến lập. Từ xưa đến nay, không có một ai dám có lời thị phi. Thanh quy trong Thiền môn đều theo Ngài chế mà thi hành, không có một người nào làm trái pháp. Theo nghi thức thanh quy thì nghi thức cầu cho những vị Tăng bệnh nặng như sau: “Tập hợp đại chúng lại, tất cả đồng tụng một bài kệ xưng tán Phật A-di-đà, lại đồng thanh xưng tụng Phật hiệu Nam-mô A-di-đà Phật ngàn biến, rồi phục nguyện hồi hướng: “Nếu các duyên chưa hết, mong sớm được khỏe mạnh. Còn bằng số mạng khó tránh, thì được sinh về An dưỡng.” Đây chẳng phải là bằng chứng chỉ quy về Tịnh độ hay sao? Lại xem trong nghi thức cử hành tang lễ vị Tăng có đoạn: “Đại chúng đồng niệm Phật và phục nguyện hồi hướng: “Thần siêu cõi Tịnh, nghiệp dứt cõi trần, thượng phẩm sen nở hiện kim thân, nhất sinh Phật trao phần quả ký.” Đây chẳng phải là bằng chứng chỉ quy về Tịnh độ hay sao. Đến lúc trà tỳ, cũng chẳng có gì khác, vị Duy na cầm khánh cao tiếng xướng Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới đại từ đại bi A-di-đà Phật và đại chúng xướng họa theo, cứ như thế mà niệm mười lần. Đây gọi là pháp thập niệm.

Xướng và đại chúng hòa xong, vị Duy-na lại hồi hướng: “Trên đây đại chúng đã xưng mười niệm, phụ giúp vãng sinh.” Đây chẳng phải là bằng chứng chỉ quy về Tịnh độ hay sao. Kể từ Thiền sư Bách Trượng trở về sau, trong Thiền môn, phàm có vị Tăng nào viên tịch, đều y theo pháp thức này cử hành tang lễ. Cho nên nói toàn thể ngũ gia tông phái, hầu hết các vị Thiền tăng trong thiên hạ, không có bất cứ vị nào mà không quy hướng về Tịnh độ, điều đó không đúng sao. Tôi nghe những lời dẫn chứng của vị lão túc này, đều có y cứ nên không thể biện bác như thế nào được. Lại nhân những lời vị đó nói, tôi chợt ngộ ra thâm ý

của Tổ sư Bách Trượng, chẳng những đầy đủ mà hoàn toàn đúng vậy.

Xưa nay ông ở Tông lâm, đích thân đã đưa biết bao nhiêu vị Tăng viên tịch. Việc hồi hướng thập niệm, trong miệng xướng lên, tai nghe rõ tiếng, không biết bao nhiêu lần. Ông đã không hiểu được ý Tổ sư lại tự thân không chánh tâm tỉnh giác, còn vọng nói kể ngộ đạo không nên nguyện sinh Tây phương. Quả thật sự chấp trước của ông, kể tu thiền trong thiên hạ e rằng không ai bằng.

Hỏi: Sự nhiếp cơ của pháp môn Tịnh độ, nay đã được Ngài giải thích rõ, kẻ ngu này không dám luận bàn. Nhưng tôi lại thường nghe thuyết duy tâm Tịnh độ, bản tính Di-đà, trong tâm có ý vui mừng, rồi xem trong các kinh luận, đều nói Tịnh độ là cõi Cực lạc cách xa thế giới Ta-bà này mười vạn ức Phật độ, nghĩa là đức Di-đà là giáo chủ cõi Cực lạc, như vậy, cõi kia cách đây rất xa, ngoài nghĩa duy tâm bản tánh, vấn đề này như thế nào?

Đáp: Lời hỏi của ông còn nông cạn lắm. Ông không biết chân tâm của ông rộng lớn vô cùng. Kinh Lăng-nghiêm nói: “Những núi sông, đất đai cho đến hư không ngoài sắc thân ta, đều là vật nằm trong chân tâm vô cùng sáng suốt.” Lại nói: “Chỗ xuất sinh các pháp đều từ nơi tâm hiện ra. Có cõi Phật nào nằm ngoài tâm ta.” Do đó, nên biết lý Tịnh độ duy tâm là ngoài tâm không có quốc độ, như biển cả nổi lên vô lượng bọt sóng, nhưng không có một bọt sóng nào nằm ngoài biển cả. Lý duy tâm Tịnh độ, là ngoài tâm không có quốc độ, như vô lượng vi trần đều nương nơi đại địa. Lại nên biết các vị Tiên Thánh nói: “Do từ một tâm này mà có đủ bốn độ. Bốn độ là Phạm Thánh đồng cư độ, Phương tiện hữu dư độ, Thật báo vô chướng ngại độ và Thường tịch quang Tịnh độ.”

Cõi Phạm Thánh đồng cư độ chia làm hai loại, đó là đồng cư uế độ và đồng cư Tịnh độ. Đồng cư uế độ là như cõi Ta-bà ở trong quốc độ này, có Phạm có Thánh, mà Phạm Thánh đều có hai hạng. Hai hạng của Phạm là ác chúng sinh tức là bốn ác thú và thiện chúng sinh là người trời. Hai hạng của Thánh, là thật Thánh tức là các Thánh nhân thuộc bốn đạo quả, hàng Bích-chi-Phật, bậc lục địa trong Thông giáo, thập trụ trong Biệt giáo, Thập tín hậu tâm trong Viên giáo. Các bậc Thánh này tuy phần thông hoặc đã dứt sạch, nhưng quả báo về sắc thân vẫn còn, nên gọi là “Thật”. Hạng “Quyền” Thánh là các vị Pháp thân và Diệu giác Phật trong cõi Phương tiện Thật báo tịch quang độ. Các Ngài vì ham muốn lợi lạc cho những kẻ hữu duyên, nên ứng hiện sinh vào cõi đồng cư, như thế đều gọi là “quyền” Thánh. Các bậc

Thánh như thế cùng với hàng phàm phu đồng ở chung nên gọi là Phàm Thánh đồng cư độ. Cõi này vì có bốn ác thú ở chung nên gọi là uế độ. Còn cõi đồng cư Tịnh độ, là như thế giới Cực lạc, mặc dù quả báo rất thù thắng, cõi Ta-bà này không thể so bì, nhưng cũng gọi là Phàm Thánh đồng cư độ. Vì sao? Bởi thế giới Cực lạc tuy không có bốn ác thú, nhưng còn có trời người, những vị đó được sinh về Cực lạc, chưa hẳn là người đắc đạo, như kinh Vô Lượng Thọ nói: “Kể phạm vào các trọng tội ngũ nghịch, thập ác, đến khi lâm chung, phát tâm niệm Phật sám hối, quyết được vãng sinh.” Nên biết thế giới Cực lạc, các chúng sinh tuy còn hoặc nhiễm vẫn được ở chung, hai bậc Thánh thật và quyền đồng như cảnh Ta-bà nhưng vì cõi này không có bốn ác thú, nên gọi là đồng cư Tịnh độ. Lại để nói rõ tướng của các cõi Tịnh, có rất nhiều sự sai khác, như thế giới Vô động, tuy cũng là cõi Tịnh, nhưng cõi này còn có núi Tu-di và chúng sinh còn có tướng nam nữ. Tịnh độ vốn có nhiều cõi bất đồng, uế độ cũng có nhiều chủng loại sai khác.

Cõi Phương tiện hữu dư độ là chỗ cư trú của hàng Thánh nhị thừa và ba hạng Bồ-tát đã chứng phương tiện đạo. Những vị này nếu tu hai món quán, đoạn trừ thông hoặc, dứt sạch trần sa hoặc nhưng biệt hoặc và vô minh chưa đoạn, khi xả thân phần đoạn mà sinh ngoài giới, thọ thân pháp tánh, tức những vị này vẫn còn chịu sự chi phối của biến dịch sinh tử. Vì thế cõi của những vị này cư trú gọi là hữu dư, bởi do họ chưa đoạn được vô minh. Gọi là phương tiện vì đó là chỗ cư trú của những hành nhân tu chứng phương tiện đạo. Vì thế, Thích luận nói: “Ngoài tam giới có Tịnh độ, đây là chỗ cư trú của hàng Thanh văn, Bích-chi-Phật, thọ thân pháp tánh, không còn chịu sự phần đoạn của sinh tử.”

Còn cõi Thật báo vô chướng ngại độ, ở cõi này, không có hàng nhị thừa, mà chỉ thuần là các bậc Pháp thân Bồ-tát cư trú. Những vị này đã phá từng phần vô minh, hiển thị pháp tánh, chứng đắc quả chân thật, nhưng vì họ chưa đoạn hết vô minh nên còn bị chi phối của nghiệp vô lậu, thọ pháp tánh Báo thân, nên cũng gọi là Quả báo độ. Kinh Nhân Vương nói: “Tam hiền thập tánh trụ quả báo” là ý đó. Trong kinh Hoa Nghiêm thuyết minh về thế giới Nhân-đà-la võng chính là cảnh này.

Cõi Thường tịch quang Tịnh độ, là lý pháp giới như như, trí tuệ sáng suốt khắp chiếu của bậc đại giác, lấy ý đó đặt tên quốc độ, còn gọi là Pháp tánh độ, nhưng chân như Phật tánh chẳng phải thân, chẳng phải độ, nên nói là thân độ. Lìa thân không có độ, lìa độ không có thân, gọi là thân độ. Một pháp có hai nghĩa, quán Phổ Hiền, trụ xứ Tỳ-lô-giá na gọi là Thường tịch quang. Hai cõi trước là Ứng thân, là chỗ ở của Ứng

thân Phật. Cõi thứ ba vừa thuộc về Ứng thân vừa thuộc Báo thân, là chỗ ở của Báo thân Phật. Cõi thứ tư chỉ là chân thân, chẳng phải Ứng và Báo, đây là chỗ ở của Pháp thân Phật.

Lại nói: “Thường là Pháp thân, tịch là giải thoát, quang là Bát-nhã, như thế của chữ y, không có cách biệt ngang dọc, gọi đó là bí mật tạng, là chỗ du hóa của chư Phật Như Lai, chân thường cứu cánh, cõi Tịnh độ thanh tịnh cùng cực.”

Do quan sát tâm như thế, nghĩa là mười phương vi trần quốc độ đều là cõi nước ở trung tâm chúng ta, ba đời hằng hà sa chư Phật đều là chư Phật ở trong tâm chúng ta. Hiểu được lý này, thì biết không có quốc độ nào mà không nương nơi tâm chúng ta kiến lập, không có vị Phật nào mà không nương nơi bản tánh của chúng ta mà hiển hiện. Thế thì cõi Cực lạc cách xa ngoài mười vạn ức Phật độ, chẳng phải là cõi Tịnh độ nơi tâm chúng ta sao. Giáo chủ của thế giới Cực lạc chẳng phải là Đức A-di-đà ngoài bản tánh chúng ta sao.

Lại nên biết chỉ một tâm này, bao hàm mười cõi giới, thân và độ dung thông, trùng trùng vô ngại. Lại nên biết tâm, Phật và chúng sinh, ba món đó không có sự sai khác, chúng sinh và Phật tương trợ đồng hiện, niệm niệm giao tham. Do vậy mà cổ đức từng nói: “Chư Phật ở trong tâm chúng sinh, mỗi trần đều là Cực lạc. chúng sinh trong tâm chư Phật, mỗi niệm là Di-đà.” Lại nói: “Mười phương tịnh uế, gom về trong khoảng một sát-na. Mỗi niệm sắc tâm, bủa khắp gồm thâu nơi pháp giới.” Như thế thì biết tất cả các nước pháp đều sẵn đủ trong thể thiên chân, chẳng phải do duyên khởi mà thành lập. Một niệm đã như thế, một trần cũng như vậy. Cho nên nói: “Trong mỗi mỗi trần tất cả cõi; trong mỗi mỗi tâm tất cả tâm; mỗi mỗi tâm trần lại khắp nhau, Trùng trùng vô tận không chướng ngại; một lúc hiện rõ không ẩn hiện; Tất cả viên thành chẳng kém hơn.”

Nếu hạt trần châu bao trùm các báu, ví như ánh sáng lưới báu trời Đế Thích ảnh hiện khắp ngàn châu, tâm ta đã như thế, chúng sinh và Phật đồng một thể. Như thế thì thân thức dạo chơi đến muôn quốc độ, thật là sinh ở tâm ta, gá thân nơi cứu phẩm liên đài, chẳng phải là không ở nơi sát-na sao? Lại nói: “Thế giới Cực lạc biến khắp tất cả xứ, tuy là một mà toàn thâu. Như trên điện Đế Thích, ngàn châu trong lưới báu, ánh sáng của ngàn châu đều gom hiện vào một hạt châu và ánh sáng một hạt châu lại hiện khắp vào tất cả các hạt châu. Tuy mỗi hạt châu giao hiện lẫn nhau, lìa ra mà chẳng phân chia, ánh sáng thấy đều chiếu khắp lẫn nhau, cũng không sở tại.

Thế giới Cực lạc cũng như một hạt châu trong muôn ngàn hạt châu thế giới khác. Mười vạn ức cõi nước đều như muôn hạt châu trong một hạt châu thế giới Cực lạc. Cho đến khắp khắp cõi tam thừa Thánh nhân trời, người, cho đến các cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và A-tu-la, mỗi mỗi cõi cũng không khác một hạt châu trong ngàn hạt châu và Đức A-di-đà cũng là một hạt châu trong ngàn hạt châu. Cho nên, thấy được một vị Phật, là thấy mười phương chư Phật, cũng là thấy chín cõi chúng sinh ở mười phương. Hằng sa vi trần quốc độ, mười phương kim cổ, toàn thể đều là một hải ấn đốn viên không có gì khác.

Những lời dẫn giải trên đây đều là những lời di huấn của chư Phật, Tổ, Thánh hiền đã tuyên dương. Nếu hiểu được lý này, thì sẽ biết được thế giới Cực lạc là duy tâm, mỗi mỗi cõi Phật, mỗi mỗi điểm trần đều là duy tâm. Đức A-di-đà là bản tánh, mỗi vị Phật, mỗi chúng sinh đều là bản tánh. Như thế ông lại còn nghi ngờ gì nữa.

Hỏi: Đã nói tịnh và uế đều dung thông, mỗi điểm trần đều là Cực lạc. Cớ sao thế giới Ta-bà lại trở thành uế độ?

Đáp: Kẻ phạm phu do bị nghiệp hoặc chi phối, mà chính ngay nơi tịnh thành uế, còn chỗ thấy chư Phật thì uế đều thành tịnh. Chẳng lẽ cảnh quả báo của Đức Phật Thích-ca mà là quả uế trước hay sao.

Hỏi: Tôi đã tin lý duy tâm rộng lớn, hàm nhiếp tất cả, viên dung không chướng ngại. Nhưng sao còn có kẻ trệ nơi tình mê, chưa thoát nghiệp uế, thì quốc độ duy tâm, họ làm sao được thanh tịnh?

Đáp: Tâm cấu uế thì quốc độ ô trước, tâm thanh tịnh thì quốc độ thanh tịnh. Vì vậy, kinh Duy-ma nói: “Muốn được Tịnh độ trước phải tịnh tâm, tùy tâm thanh tịnh cõi Phật thanh tịnh.” Xét như thế, muốn được tịnh tâm mà bỏ pháp tu Tịnh độ, thì không còn một pháp nào thù thắng, sớm thành tựu hơn.

Hỏi: Với pháp tu Tịnh độ, xin Ngài vì tôi giảng khái quát pháp môn này.

Đáp: Tịnh độ vốn vô tu, tu nhân là bởi do mê lầm mà có. Pháp vốn không có cao thấp, cao thấp là do bởi căn cơ mà ra. Căn cơ của chúng sinh luôn sai khác, nên pháp tu cũng phân ra thành nhiều loại. Tóm đầu có thể chia thành ba môn, đó là quán tưởng, ức niệm và chúng hạnh. Ba môn này đều nương vào Đức A-di-đà giáo chủ thế giới Cực lạc làm cơ sở chính yếu.

Pháp môn thứ nhất là Quán tưởng, như Quán kinh nói: “Chư Phật Như Lai là thân pháp giới, vào trong tâm tưởng của tất cả chúng sinh, cho nên khi tâm các ông tưởng nhớ Phật, tâm đó tức là ba mươi hai

tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Tâm ấy làm Phật, tâm ấy là Phật. Biển chánh biến tri của chư Phật từ nơi tâm tướng mà sinh. Vì thế các ông phải nhớ nghĩ và quán tưởng kỹ thân của Đức Phật kia.”

Đoạn kinh trên, Thiên Thai sơ nói: Câu “Chư Phật Như Lai” trở xuống, là thuyết minh về chư Phật; câu “Thị cố đương tri” trở xuống là riêng quán đức Phật A-di-đà. Pháp giới thân là thân pháp tánh của Báo Phật, tâm chúng sinh khi thanh tịnh thì pháp thân tự hiện, nên nói là Nhập. Như mặt trời mọc lên thì ánh sáng sẽ hiện chiếu xuống trăm sông. Đây là chỉ thân Phật tự tại, có thể tùy vật mà ứng hiện. Lại pháp giới thân là thân Phật không chỗ nào không hiện, lấy pháp giới làm thể. Chứng đắc được pháp Quán Phật Tam-muội này thì vào ra đều tương ứng, nên nói Nhập tâm tướng. Câu “Thị tâm tác Phật” là Phật nguyên vốn không, nhân vì chúng sinh tâm tịnh nên mới có, sợ e người khác hiểu lầm là Phật bỗng nhiên có, nên gọi là “tức” và “thị”. Mới bước đầu tu hành gọi là “tức”, đến khi công viên quả mãn thì gọi là “thị.”

Diệu Tông Thích nói: “Muốn tưởng nhớ thân Phật, cần phải hiểu quán thể, thể là bản giác, khởi thành pháp quán. Bản giác là thân pháp giới của chư Phật, vì chư Phật không sở chứng pháp gì khác, mà toàn chứng bản tánh chúng sinh. Nếu thỉ giác có công, thì bản giác mới hiển lộ, cho nên nói pháp thân từ tâm tướng mà sinh. Lại đức Di-đà cùng với tất cả chư Phật vốn đồng một pháp thân, đồng một trí tuệ, sự ứng dụng đều như nhau. Hiểu được thân của đức Di-đà là hiểu được thân của tất cả chư Phật, tỏ ngộ được tướng chư Phật là tỏ ngộ được thể Di-đà. Do đó nói rộng chư Phật để quy kết về sự quán tưởng đức Di-đà. Từ câu ‘Pháp giới thân’ trở xuống là nói về lý giải nhập tương ứng.”

Ngài Dung Tâm giải thích: “Nếu không có lời chú giải trước, thì môn quán tưởng này chẳng phải là quán Phật. Nếu không có lời chú giải sau, thì thể của chúng sinh và Phật có sai khác. Hai lối giải thích trên đã tương trợ tác thành để thuyết minh pháp quán.” Diệu Tông sao lại nói: “Nay quán tâm là chẳng phải quán thẳng vào bản tánh Phật, để lần hồi thể nhập bản tánh của chư Phật sao? Vì thế, trước nói rõ Ứng thân Phật nhập vào tâm tướng chúng ta. Kế nói thân Phật toàn là bản giác nên Ứng thân Phật hiển lộ. Biết rõ bản tính, nương ngoài nghĩa lý mà thiết lập quán pháp duy tâm. Nếu luận bàn về Tác và Thị, tức là ba pháp quán bất tư nghì. Bởi do cả phá cả lập nên gọi là Tác, là hai pháp quán không và quán giả; không phá không lập gọi là Thị, là quán Trung đạo. Toàn Thị mà Tác là ba để đều phá đều lập, toàn Tác mà Thị là ba để đều chẳng phá chẳng lập. Tức là không giả của trung gọi là Tác,

khéo phá ba hoặc, khéo lập ba pháp, cho nên cảm được ba thân tròn đầy của chư Phật, khéo thành ngay quả ba thân của chúng ta. Tức trung của không giả là Thị, thì toàn hoặc là trí, toàn chướng là đức, cho nên tâm là Ứng Phật, tâm là quả Phật. Vì thế mà biết Tác và Thị đều là một tâm. Tu ba pháp quán này là bản thể của tất cả các pháp quán, là tông chỉ huyền diệu của một bộ kinh.”

Lại nói: “Pháp quán này có thể làm thanh tịnh bốn cõi, như thế mới là chỗ tốt cùng của bộ kinh này.” cho đến nói: “Bộ kinh này nói việc phu nhân Vi-đề-hy, nhằm chán cõi Đồng cư uế độ, muốn được sinh về Đồng cư Tịnh độ, nên Phật bèn nói pháp quán huyền diệu, là quán tưởng y chánh trang nghiêm của cõi Tịnh độ, ba pháp quán này thành thì mọi trần cấu đều rơi rụng. Nếu không cầu sinh về cõi Tịnh độ, thì còn cõi nào để cầu sinh. Nên biết, chính vì để cầu sinh cõi Đồng cư Tịnh độ, nên thành lập ba pháp quán, do vì pháp quán nhiệm mầu mới có thể phá trừ ba hoặc, không chỉ riêng cảm ứng nơi cõi Đồng cư Tịnh độ, mà tùy theo chỗ đoạn trừ lậu hoặc cạn sâu, tự nhiên sẽ cảm được ba Tịnh độ kia. Như người bệnh dùng thuốc, thân sẽ an ổn, nếu có được thang thuốc tiên, thì không hẳn chỉ lành bệnh, mà còn được xương cốt nhẹ nhàng. Thân an ổn là dụ cho việc sinh ở cõi Đồng cư Tịnh độ, xương cốt nhẹ nhàng là dụ cho việc sẽ sinh ba cõi Tịnh kia. Chỉ là một loại thuốc này, mà sức diệu dụng thật sâu vô cùng, như một pháp quán huyền diệu, có thể làm thanh tịnh bốn cõi Tịnh.”

Lời giải rằng: Phu nhân Vi-đề-hy muốn lìa bỏ cõi uế, sinh về Tịnh độ, nên đức Phật hiển thị pháp lìa bỏ hết thủy uế, hiển thị pháp tánh Tịnh độ rất ráo. Như ánh trăng không bị mây che, lìa bỏ hết thủy mọi bệnh quả báo, cho nên thỉnh cầu Bồ-tát Quán Âm tuyên thuyết thần chú là có thể tiêu diệt cội gốc ba độc, đầy đủ quả báo ngũ nhãn... Do đó, pháp nhất tâm tam quán cầu sinh Tịnh độ là lấy tam hoặc làm nhân cõi uế độ, lấy tam đế làm quả Tịnh độ. Nên biết lậu hoặc được dứt sạch là Thường tịch quang Tịnh độ, cứu chúng sinh của tam đế. Nếu lậu hoặc chưa dứt sạch, là Thật báo Tịnh độ, chứng từng phần của tam đế...

Như trên đã nói pháp nhất tâm tam quán có thể phá trừ ba hoặc, có thể làm thanh tịnh bốn độ. Nếu người nào lậu hoặc chưa phá, mà sinh về cõi An dưỡng đồng cư, nhờ nương vào các thắng duyên của cõi này, lần hồi tiến tu thì ba độ kia có thể chứng đắc. Vả lại, Giáo tông có nói: “Ngủ trước nặng nhẹ, đồng ở Tịnh độ hay uế độ. Mà viên quán trước uế nhẹ mà cảm cõi Đồng cư, y báo và chánh báo rất nghiêm tịnh. Cũng như người nào tu giới và thực hành các điều thiện sẽ sinh về cõi An dưỡng,

cảnh tượng của cõi này rất thù thắng. Cho nên tông Thiên Thai nói rằng Viên quán là định thiện.

Môn thứ hai là Ưc niệm, là hành giả hoặc nương theo tướng hảo, hoặc trì danh hiệu Phật, gọi là Ưc niệm. Môn này có đủ lý sự, như trưởng giả Giải Thoát trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Nếu tôi muốn thấy Đức Vô Lượng Thọ Như Lai và thế giới An dưỡng thì tùy ý liền được thấy. Tôi có thể rõ biết được tất cả các Đức Như Lai, các quốc độ trang nghiêm, thần thông nhiệm mầu... bao cảnh tượng trên đây, không từ đâu mà đến, không đi về đâu, không có xứ sở cũng không có trú xứ, cũng như thân tôi, không thật có tới lui, đi đứng. Các Đức Như Lai kia không đi đến chỗ tôi, tôi cũng không đi đến chỗ các Ngài. Tôi hiểu tất cả các Đức Phật cùng tâm tôi đều như mộng. Chỗ thấy như mộng từ phân biệt mà sinh, lại thấy tất cả chư Phật đều từ tâm tôi mà khởi, lại biết tâm tôi như nước trong chum, tỏ ngộ các pháp như hình bóng hiện trong nước. Lại biết tất cả chư Phật cảnh huyễn hóa, lại biết chư Phật, Bồ-tát trong tự tâm, thấy đều như tiếng vang, ví như hang trống, tùy theo âm thanh mà phát tiếng dội lại. Tôi tỏ ngộ được tâm nên có thể tùy niệm thấy Phật. Tôi thấy như thế, ước niệm như thế, chỗ thấy tất cả Đức Phật đều do từ tâm tôi.

Ngài Trinh Nguyên sơ giải đoạn kinh trên rằng: “Từ câu “Vô sở tùng lai” trở xuống chính là thuyết minh lý duy tâm, nếu ngộ được tức tâm là vô tâm, liền thể nhập vào chân như, rõ được tướng hư huyễn đều do duy tâm hiện ra, đã rõ được lý duy tâm và tức tâm là Phật, cho nên tùy theo chỗ niệm, không đâu là không Phật. Đoạn sau nêu ra bốn thí dụ, gồm thông (chung) và biệt (riêng), để hiển thị lý duy tâm. Bốn thí dụ đều chứa đủ bốn quán. Ví dụ thứ nhất là nói toàn thể đều duy tâm, thí dụ thứ hai nói vì duy tâm nên không, dụ thứ ba nói vì duy tâm nên giả, dụ thứ tư nói vì duy tâm nên trung. Bốn dụ đó đều viên dung vô ngại, đây là ý kinh Hoa Nghiêm.

Cảnh mộng là dụ cho lý không đến không đi, hình bóng trong nước là dụ cho cảnh chẳng ra chẳng vào, cảnh huyễn hóa là dụ cho lý chẳng có chẳng không, tiếng vang là dụ cho lý chẳng hợp chẳng tan. Lại như kinh Bát-nhã dạy tu pháp Lập Phật Tam-muội, chuyên trì niệm danh hiệu Đức Phật A-di-đà. Pháp tu đó đại lược là; Hành giả thường nhớ nghĩ chuyên trì danh hiệu Phật A-di-đà. Ví như trong mộng thấy vàng bạc, bà con rồi sinh tâm vui mừng. Ngài Vĩnh Minh nói: “Dụ cảnh mộng thấy vàng bạc, bà con là do tâm tạo ra, là có mà không, cho nên không đến không đi. Lại cảnh huyễn hóa là không thật có, thì tâm ta và

Phật cả hai đều mất, mà không phải là không có tướng huyễn, thì không hoại tâm Phật, không và hữu đều không ngại lẫn nhau, tức là không đến không đi. Thấy khắp nơi không ngại, thấy tức là không thấy, thường khế hợp với lý trung đạo, cho nên chư Phật thật không đi, tâm ta cũng không đến. Sự cảm ứng đạo giao đó, duy tâm tự thấy.”

Lại như trong kinh Lăng-nghiêm, Bồ-tát Đại Thế Chí nói: “Nếu con thường nhớ mẹ như mẹ nhớ con, thì mẹ con trải qua nhiều đời cũng không xa rời nhau. Ta do tu nhân, dùng tâm niệm Phật, mà được chứng đắc Vô sinh pháp nhẫn.” Tráp Xuyên dùng lý và sự để phân tích đoạn trên: “Quán thí dụ mẹ con thường nhớ nghĩ lẫn nhau, là đồng ở sự tướng mà thôi, quán từ Bồ-tát chứng Vô sinh pháp nhẫn, thì việc niệm Phật tâm không còn đơn lẻ, là ước về sự tướng giải thích. Niệm còn ba quán, Phật đủ ba thân, tâm phá ba hoặc, Vô sinh pháp nhẫn được dựng lập, là có thể nhập vào.” Lại như trong kinh A-di-đà nói: “Chấp trì danh hiệu cho đến nhất tâm bất loạn.” Ngài Tịnh Giác giải thích: “Nhất tâm bất loạn như pháp quán huyễn diệu trước, là đồng tên với chánh thọ, là định tâm, định thiện. Căn cứ vào người vãng sinh mà luận, thì có lý sự. Nếu đạt tâm này thì bốn tánh không sinh, cùng không tuệ tương ưng, đó là lý nhất tâm. Nếu tâm còn niệm, mỗi niệm mỗi niệm không gián đoạn, gọi là sự nhất tâm.”

Ngài Chân Hiết nói: “Nhất tâm bất loạn bao hàm cả lý sự. Nếu là sự nhất tâm, mọi người ai cũng có thể thực hành được. Do chấp trì danh hiệu Phật nên tâm không tán loạn, như rồng gặp nước, thợ cạo gặp núi. Đây là chỉ đoạn trong kinh Lăng-nghiêm nói nhớ Phật niệm Phật hiện tiền hoặc đương lai quyết định sẽ được thấy Phật, cách Phật không xa, không cần nhờ phương tiện, mà tâm tự khai mở. Nghĩa lý này thâm nhiếp cả căn trung và hạ. Nếu lý nhất tâm cũng chẳng phải lý gì khác, chỉ đem bốn chữ A-di-đà Phật làm chữ thoại đầu, ngày đêm sáu thời ngay đó đề khởi, không dùng tâm có để niệm, không dùng tâm không để niệm, không dùng tâm cũng có cũng không để niệm, không dùng tâm chẳng phải có chẳng phải không để niệm, trước sau đều đoạn một niệm không sinh, không vượt giai tầng mà vào Phật địa.” Tôi bình phẩm lời của Ngài Chân Hiết rằng: “Không dùng tâm có để niệm... vẫn có bốn câu, có thể phối hợp với ba pháp quán. Câu thứ nhất phối hợp không quán, câu thứ hai phối hợp giả quán, câu thứ ba là song ly, câu thứ tư là song tức, song ly song tức phối hợp trung quán, cũng bao hàm cả ý nghĩa ngăn chiếu.”

Tóm lại, chẳng phải không tu mà khế hợp với tánh, hiển nhiên

đương xứ của nó là không, toàn thể tức hữu cũng chẳng phải không hữu, không thể diễn bày, không thể luận bàn, đường tâm tuyệt lộ tức gọi là Phật. Như trên tôi đã dẫn giải một số điều, gọi là ức niệm. Còn các phần lý sự, nói về lý niệm cũng là viên quán đồng, có thể phá ba hoặc, khéo làm thanh tịnh bốn cõi, lý này thấu nhiếp hạng chúng sinh căn cơ thượng thượng. Nói về sự tướng niệm, là gần thì cảm được Đồng cư Tịnh độ, xa thì làm nhân cho ba Tịnh độ trước. Từ đây trở xuống, sự tướng không đồng, như các bộ kinh đã nói, hoặc một đời kệ niệm, hoặc ba tháng kệ niệm, hoặc sáng chiều thập niệm, hoặc một ngày một đêm không rời chuyên niệm, thêm vào sức tín sâu, sức nguyện thanh tịnh, sức Phật gia bị, quyết được vãng sinh thế giới Cực lạc. Lại dưới đến hạng phàm phu tạo ngũ nghịch, thập ác, khi lâm chung niệm đủ thập niệm, cũng được vãng sinh, đây là pháp thấu nhiếp hạng trung căn và hạ căn.

Môn thứ ba là Chúng hạnh, như trong kinh Hoa Nghiêm, Bồ-tát Phổ Hiền khuyến tấn Thiện Tài đồng tử cùng đại chúng hải hội phát mười đại nguyện để cầu sinh Tây phương. Mười đại nguyện đó là:

1. Kính lễ chư Phật .
2. Khen ngợi Như Lai.
3. Rộng tu cúng dường.
4. Sám hối nghiệp chướng.
5. Tùy hỷ công đức.
6. Thỉnh Phật chuyển Pháp luân.
7. Thỉnh Phật trụ thế.
8. Thường theo Phật tu học.
9. Thường tùy thuận chúng sinh.
10. Hồi hướng khắp cả.

Trong mỗi đại nguyện đều nói: Cõi hư không hết, cõi chúng sinh hết, nghiệp chúng sinh hết, nghiệp phiền não hết, thì nguyện tôi mới hết. Nhưng cõi hư không cho đến nghiệp của chúng sinh không bao giờ hết, nên nguyện vãng sinh tôi không bao giờ hết. Hành giả mỗi niệm như thế tương tục, không có gián đoạn, Tam nghiệp thân khẩu ý không bao giờ sinh tâm mệt nhọc, cho đến khi lâm chung, sát-na sau cùng, tất cả các căn thấy đều tán hoại, tất cả mọi oai thế thấy đều mất hẳn, phó tướng đại thần, nhà cửa trong ngoài, xe cộ binh ngựa, kho lẫm vàng bạc, mọi thứ đều không thể đem theo, chỉ có nguyện vãng sinh này luôn luôn bên mình, ở trong mọi thời, dẫn dắt ta trong khoảng sát-na liền được vãng sinh về thế giới Cực lạc. Khi đã vãng sinh rồi, liền được thấy Đức Phật A-di-đà, người đó thấy mình sinh trong hoa sen, được Phật

thọ ký. Sau khi đã được thọ ký, trải qua vô số kiếp, hiện thân đến khắp mười phương thế giới bất khả thuyết bất khả thuyết, dùng sức trí tuệ, tùy chúng sinh tâm mà làm lợi ích. Chí đến trong biển cả đại khổ phiền não, mà cứu vớt chúng sinh, khiến họ được xuất ly, khiến họ được vãng sinh về thế giới Cực lạc.”

Lại như trong kinh Pháp Hoa nói: “Nghe kinh điển, như thuyết mà tu hành, đến khi thân hoại mạng chung, liền được vãng sinh về thế giới Cực lạc, Phật A-di-đà cùng đại chúng Bồ-tát vây quanh trụ xứ, được sinh trong hoa sen, ngồi trên tòa báu, không bị tham dục quấy nhiễu, không bị sân nhuế ngu si não loạn, cũng không bị các cấu nhiễm, kiêu mạn, tật đố bức bách, chứng được thân thông Bồ-tát và Vô sinh pháp nhẫn.” Lại như trong kinh Đại Bảo Tích có nói người tu hành nào phát mười loại tâm, thì quyết định được vãng sinh. Đức Thế Tôn dạy Bồ-tát Di-lặc, mười loại tâm đó, chẳng phải hàng phạm phu ngu lậu, kẻ không thiện căn, người nhiều phiền não có thể phát được. Phát mười loại tâm đó là:

1. Đối với tất cả chúng sinh luôn khởi tâm đại Từ, không làm tổn hại.
2. Đối với tất cả chúng sinh luôn khởi tâm đại Bi, không gây bức não.
3. Đối với chánh pháp của Phật, không tiếc thân mạng, hết lòng hộ trì.
4. Đối với các pháp, khởi sức nhẫn nại, không chấp trước.
5. Không tham sự lợi dưỡng, cung kính tôn trọng, tâm luôn an vui điềm tĩnh.
6. Cầu chứng trí tuệ của Phật, ở trong tất cả các thời, tâm không quên lãng.
7. Đối với tất cả chúng sinh, khởi tâm tôn trọng, cung kính cúng dường, không có tâm khinh thường.
8. Không đấm trước thế luận, đối với Bồ-đề phần, sinh tâm quyết định.
9. Gieo trồng các thiện căn, không có các tạp nhiễm, sinh tâm thanh tịnh.
10. Đối với các Đức Như Lai, lìa bỏ các tướng, sinh tâm tùy niệm.

Đây là mười thứ phát tâm của Bồ-tát. Do phát tâm này, Bồ-tát quyết định được vãng sinh. Nếu người nào đối với mười thứ tâm này, thành tựu được một tâm, sinh lòng ưa muốn được vãng sinh về thế giới

Cực lạc của Đức Phật A-di-đà, nếu không được vãng sinh, không bao giờ có chuyện đó xảy ra.

Lại như trong kinh Thập Lục Quán nói: “Muốn được sinh về nước kia, nên tu ba thứ phước.

1. Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng thờ sư trưởng, từ tâm không sát hại chúng sinh, tu thập thiện nghiệp.

2. Thọ trì ba pháp quy y, đầy đủ các giới, không phạm oai nghi.

3. Phát tâm Bồ-đề, tin sâu lý nhân quả, đọc tụng kinh điển Đại thừa, khuyến tấn mọi người tu hành. Ba món phước nghiệp này, là chánh nhân Tịnh nghiệp của ba đời chư Phật quá khứ hiện tại và đương lai.”
Sớ nói: “Phước nghiệp đầu là của hạng phàm phu, phước nghiệp thứ hai là của hàng Thanh văn và phước nghiệp sau là của hàng Bồ-tát.”

Lại như trong kinh Vô Lượng Thọ có nói ba hạng phát tâm Bồ-đề, cùng các kinh luận khác diễn bày việc tụng kinh, trì chú, xây chùa, tạo tượng, lễ bái, tán tụng, phụng trì trai giới, đốt hương rải hoa, cúng dường tràng phan bảo cái, phàm mỗi hạnh mỗi việc đều thuần thực, đều cầu sinh, dùng sức tín nguyện hồi hướng, quyết định sẽ được vãng sinh. Như các điều trên tôi đã dẫn, gọi đó là chúng hạnh. Nhưng nguyện hạnh có sự lớn nhỏ không đồng, nên có lý sự sai khác. Vả lại như mười nguyện trong kinh Hoa Nghiêm, mười loại tâm trong kinh Đại Bảo Tích, thì việc vãng sinh nơi thế giới Cực lạc, chỗ cảm được sự thù thắng so với các hạnh khác, sự hơn kém sai khác rất nhiều.

Hỏi: Tôi nghe nói đồng tử Thiện Tài là bậc viên đốn lợi căn, một đời chứng quả. Cớ sao Bồ-tát Phổ Hiền không khuyến sinh về thế giới Hoa Tạng, mà là khuyến khích vãng sinh thế giới Cực lạc, ý là như thế nào?

Đáp: Trong kinh Hoa Nghiêm sớ có nêu điều này. Sớ đáp; “Sở dĩ Bồ-tát Phổ Hiền khuyến đồng tử Thiện Tài và Hải chúng vãng sinh Cực lạc vì các lý do: vì có duyên, vì tâm niệm được chuyên nhất, vì không lìa thế giới Hoa Tạng và vì không lìa bốn sự. “Ý là trong Hoa Tạng có các cõi Phật, nhiều như số vi trần. Thế giới Ta-bà cách thế giới Cực lạc mười muôn ức cõi, cũng không ra ngoài số sát chủng đó, cho nên nói không lìa thế giới Hoa Tạng. Kinh nói: “Hoặc thấy Đức Phật Vô Lượng Thọ, có Bồ-tát Quán Tự Tại... cùng vi nhiều, liền khen ngợi thân dị hóa của Đức Tỳ-lô-giá-na, cho là bốn sự.” Lại nói: “Bồ-tát Phổ Hiền vì đồng tử Thiện Tài và hải chúng Hoa tạng, kết khuyến quy hướng cõi Cực lạc. Bởi vì đồng tử Thiện Tài là bậc tín giải viên thông, đã nhập vào trí Văn-thù, tu hạnh Phổ Hiền, phước tuệ và lý sự đều xứng hợp với

pháp giới. Đây là bậc đại tâm, tuy đã ngộ bản minh huyền diệu, mức chứng đồng hàng với chư Thánh, nhưng do lực dụng chưa đầy đủ, chưa nhập thế làm lợi ích khắp chúng sinh bằng các Đức Như Lai, vì thế tạm nương về Tịnh độ, gần gũi Đức Di-đà, mượn thắng duyên tu hành cho đến khi thành Phật. Vì thế Bồ-tát Phổ Hiền khuyến tấn đồng tử Thiện Tài và hải chúng Hoa tạng phát tâm cầu sinh Tịnh độ là ở ý đó.

Hỏi: Trong môn thứ ba Chúng hạnh, Ngài đã nói sự lý có lớn có nhỏ sai khác, chỗ cảm sinh tướng cũng đều khác nhau. Như thế, hai môn quán tưởng và ức niệm, nhân tu nếu không đồng, chỗ cảm ứng có sai khác không?

Đáp: Điều hoàn toàn khác nhau. Cho nên Ngài Vĩnh Minh nói: “Chín phẩm vãng sinh, sự không phải đồng một bậc. Hoặc có kẻ nương về Hóa quốc, thấy Ứng thân Phật, hoặc có người sinh nơi Báo độ, thấy chân thể Phật; hoặc có vị vừa sinh một đêm, liền lên ngôi thượng địa; hoặc có vị phải trải qua nhiều kiếp mới chứng được quả Tiểu thừa; hoặc có vị lợi căn độn căn, hoặc định ý tán ý, hoặc ngộ đạo nhanh hay chậm, căn cơ khí chất không đồng, hoặc hoa nở sớm muộn mà thời hạn thấy Phật có khác.” Lại như Ngài Từ Vân nói: “Tuy phân thành chín phẩm, nhưng đó chỉ là phân khái lược, nếu phân vi tế, thì sẽ có vô lượng phẩm.”

Hỏi: Thế giới Cực lạc chỉ là Đồng cư, chẳng phải là cõi Thật báo. Tại sao lại nói: hoặc có vị sinh nơi Báo độ, thấy được chân thể Phật?

Đáp: Ông cho rằng cõi Thật báo ở riêng ngoài Đồng cư hay sao? Ông nên biết rằng ba cõi Tịnh kia không lìa Đồng cư, chỉ có thân, cảnh, sự thọ dụng không đồng nhất mà thôi. Như trong kinh nói: “Thân của Đức Phật A-di-đà cao sáu mươi muôn ức na-do-tha hằng hà sa do-tuần.” Cổ đức nói: “Đây chính là thân Thật báo.” Lại Ngài Tráp Xuyên nói: “Thế giới Cực lạc có đủ bốn cõi không đồng, đâu riêng chỉ có cõi Cực lạc mà thôi.” Ngài Kinh Khê nói: “Quán thẳng cõi Cực lạc, có đầy đủ bốn độ, như đương thời cõi Hoa nghiêm không lìa rừng Thệ-đà, nhưng các bậc đại Thanh văn vẫn không thấy, không biết,” đó tức là lý này vậy.

Hỏi: Như thế cõi Ta-bà này có đủ bốn độ, do đó chúng ta nên ở đây tu hành, cơ gì phải cầu sinh về thế giới Cực lạc?

Đáp: Vẫn biết thế giới Ta-bà này có đủ bốn độ, nhưng vì nghiệp uế chúng sinh khó trừ, muốn lìa bỏ uế lấy tịnh, cần phải sinh về thế giới Cực lạc. Tôn giả Tứ Minh nói: “Cõi Ta-bà lắm uế trước nặng nề, tu đến hàng Thập tín mới thoát được cõi luân hồi. Nhưng cảnh Tịnh độ kia vô cùng thắng diệu, được sinh về chín phẩm, tức đã lên ngôi bất thoái.”

Ông há không thấy trong kinh Pháp Hoa nói, khi Đức Phật Đại Thông còn tại thế, những vị đệ tử thọ giáo tu hành với Ngài, tuy đã trải qua vô số kiếp như vi trần của vô lượng vô biên cõi Phật, mà còn trụ nơi địa Thanh văn. Đó đều là do nơi nhân thoái chuyển, nên phải qua rất nhiều kiếp sâu xa, vẫn không tiến bộ. Ví như Ngài Xá-lợi-phất, khi xưa đã chứng đến vị Lục trụ, thế mà còn bị thối lạc, huống gì là hàng phàm phu tu hành lơ láo như chúng ta. Do bởi người tu hành ở cõi Ta-bà này gặp rất nhiều duyên chướng ngại, nên Cổ đức nói: “Ba việc bông xoài trứng cá và Bồ-tát sơ phát tâm, các việc đó trong nhân rất nhiều, nhưng đến khi đậu quả thì rất ít.” Cho nên, người tu nếu được vãng sinh thế giới Cực lạc, nương nhờ thắng duyên tu hành, thì dù cho hàng phàm phu ngu hạ vẫn được chứng lên ngôi bất thoái. Do bởi lý do đó, mà người tu cần cầu sinh về thế giới Cực lạc.

Hỏi: Mười phương có vô số Đồng cư Tịnh độ, nay sao lại riêng chỉ thế giới Cực lạc và chỉ riêng khen cảnh thắng duyên của cõi đó, vì cớ sao như thế?

Đáp: Kinh A-di-đà nói: “Chúng sinh ở cõi đó, không có các sự khổ, chỉ thọ các điều vui, nên gọi là Cực lạc.” Nay xin đem cõi Ta-bà mà so sánh đối với thế giới Cực lạc.

Ở cõi này, người ta bầm thọ thân hình huyết nhục, có sinh tức có khổ, còn ở cõi kia, hóa sinh trong hoa sen, nên không có khổ về sinh. Ở cõi này, con người do thời tiết đổi dời, mỗi ngày trôi qua, lão tử cận kề, còn ở cõi kia, hoàn toàn không có nóng lạnh, nên không có sự khổ về già. Ở cõi này, con người do bốn đại chống nhau, sinh nhiều bệnh khổ, còn ở cõi kia, thể chất kim cương thơm sạch, nên không có sự khổ về yếu đau. Ở cõi này ít có ai sống đến tuổi bảy mươi, vô thường mau chóng, còn ở cõi kia thì thọ mạng vô lượng, nên không có sự khổ về chết. Ở cõi này, con người bị dây tình ái trói buộc, có ái tức có khổ chia lìa, còn ở cõi kia, không có cha mẹ vợ con, nên không có khổ về ái biệt ly. Ở cõi này, con người bị sự oán thù đối đãi, có oán tức có báo, còn ở cõi kia toàn là các bậc thượng nhân câu hội, nên không có sự khổ về oán tắng hội.

Ở cõi này, con người khốn khổ vì đói khát, tham cầu mà không đủ, còn ở cõi kia, các việc ăn mặc, các thứ trân bảo, tùy ý hiện hành. Ở cõi này, con người hình thù xấu xa, các căn phần nhiều không đủ, còn ở cõi kia, tướng mạo đoan nghiêm, hào quang rực rỡ. Ở cõi này, con người phải chịu sự khổ luân chuyển sinh tử, còn ở cõi kia vĩnh viễn chứng Vô sinh. Ở cõi này có khổ bốn thú, còn ở cõi kia tên ba ác đạo hầy không

còn. Ở cõi này, toàn là gò, nong, ham, hổ, rừng rậm, chông gai, đất cát, đá núi, đầy đầy cảnh uế ác, còn ở cõi kia, vàng ròng làm đất, cây báu ngút trời, lầu chói bảy báu, hoa đua bốn sắc. Ở cõi này song lâm đã tịch, Long Hoa còn xa, còn ở cõi kia Đức A-di-đà hiện đang thuyết pháp. Ở cõi này, Bồ-tát Quán Âm, Thế Chí lưỡng mền danh lành, còn ở cõi kia hai vị thượng nhân này vốn là bạn hữu. Ở cõi này, quân ma ngoại đạo nào loạn người tu chánh đạo, còn ở cõi kia Phật hóa nhất thuần, ngoại ma tuyệt tích. Ở cõi này, sắc, thanh, danh lợi mê hoặc người tu, còn ở cõi kia chánh báo thanh tịnh, người nữ không còn. Ở cõi này, đầy ác thú muỗi mòng, tiếng dâm âm tà, còn ở cõi kia nhạc, cây, chim, nước hằng diễn pháp âm.

So sánh sơ lược hai cõi, cảnh duyên khác biệt, thì sự thù thắng của thế giới Lạc bang, nói không cùng tận, không thể nêu ra hết. Sự thù thắng của cảnh Cực lạc, có thể khiến chúng sinh phát lòng mong muốn. Duyên thù thắng của cõi Cực lạc, có thể trợ lực cho chúng sinh tu hành. Do vậy, tuy mười phương đều có các cõi đồng cư, số lượng rất nhiều, nhưng chỉ có cõi Cực lạc là đầy đủ thắng duyên tu hành, vì thế chỉ riêng tán thán cõi này.

Hỏi: Các Đức Như Lai ở khắp mười phương, chúng sinh đều có thể thân cận, nay cố sao chỉ suy cử Đức Phật A-di-đà mà không suy cử vị Phật khác?

Đáp: Sở dĩ chỉ suy cử Đức Phật A-di-đà, mà không suy cử vị Phật khác vì ba lý do: Vì Đức A-di-đà có lực thệ nguyện sâu rộng, vì chúng sinh ở cõi Ta-bà này rất có duyên với Ngài, vì sự hóa đạo giữa Đức Phật Thích-ca và Đức Phật A-di-đà có liên quan với nhau.

Thế nào là Đức A-di-đà có lực thệ nguyện sâu rộng, như kinh Vô Lượng Thọ nói: “Đức Phật A-di-đà xưa kia trong khi tu nhân, đã phát ra vô số thệ nguyện rộng lớn. Phần căn bản của các lời thệ nguyện đó là: “Nếu sau khi tôi thành Phật, có các chúng sinh nào muốn sinh về nước tôi, hoặc nghe danh tôi, tu các thiện căn, xưng danh hiệu tôi, cho đến mười niệm, nếu chúng sinh đó không được vãng sinh, tôi nguyện không thành Chánh giác. Khi đã được sinh về nước tôi rồi, mà còn bị thoái chuyển, không quyết được thành Phật, tôi nguyện không thành Phật.” Cho nên, trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Đức A-di-đà có lời thệ nguyện sâu nặng, nguyện tiếp dẫn chúng sinh ở thế giới Ta-bà.”

Chúng sinh ở cõi Ta-bà này có duyên với Ngài, là Đức Thích-ca chúng ta khi còn tại thế, chúng sinh nghe lời thuyết pháp của Ngài, mà quy hướng Đức A-di-đà rất nhiều. Sau khi Phật diệt độ, chúng sinh thời

mạt thế, không luận là hàng Tăng, tục, nam, nữ, giàu nghèo, sang hèn, những người đã nghe Chánh pháp, thấy đều quy hướng Tịnh độ, những kẻ chưa nghe chánh pháp, cũng xưng danh Phật A-di-đà. Cho đến hàng hung dữ, kẻ không có lòng tin, khi gặp cảnh tai nạn nguy khốn, hay lúc vui mừng, tán oán, bất giác cũng kêu gọi Phật A-di-đà. Đến như trẻ nhỏ, trong khi chơi đùa lấy đất nặn hình, vẽ tượng Phật A-di-đà trên vách. Thậm chí còn có những đứa trẻ chưa biết chữ, nói năng chưa rành, tự nhiên cũng xưng danh Phật A-di-đà. Các sự việc trên đều không do ai khuyến khích, không chỉ bày, đó chẳng phải là chúng sinh ở cõi Ta-bà có duyên sâu với Ngài sao.

Lại như kinh Vô Lượng Thọ nói: “Nay ta nói kinh này, khiến cho chúng sinh thấy được Đức Vô Lượng Thọ và thế giới của Ngài. Những ai tu hành muốn được giải thoát, nên phát nguyện cầu sinh, chớ nên sau khi ta diệt độ, lại sinh tâm nghi hoặc. Đời đương lai sau này, các kinh luận đều diệt hết, ta dùng sức Từ bi, chỉ riêng lưu kinh này trụ thế một trăm năm. Nếu có chúng sinh nào gặp được kinh này, tùy theo tâm sở cầu, đều được đắc độ.” Lại kinh nói: “Sau khi kinh này diệt rồi, thì Phật pháp không còn nữa, chỉ còn lại bốn chữ danh hiệu A-di-đà Phật, để cứu độ chúng sinh, kẻ nào không tin mà sinh tâm hủy báng, sẽ bị đọa vào địa ngục, thọ đủ các loại khổ.” Cho nên Ngài Thiên Thai nói: “Nên biết Đức A-di-đà cùng chúng sinh ở thế giới Ta-bà có nhân duyên sâu nặng với nhau.”

Còn sự giáo hóa của Đức Phật Thích Ca và Đức Phật A-di-đà có liên quan lẫn nhau. Như các bậc Tiên giác nói: “Thánh nhân hai cõi, trụ ở quốc độ uest và tịnh, diễn bày hai pháp chiết phục và nhiếp thọ, để điều phục chúng sinh cương cứng.” Nghĩa là Đức Phật Thích-ca ở cõi Ta-bà đem các duyên như uest, khổ não, vô thường, chướng nạn, nhiều ác ma não loạn, mà chiết phục, khiến chúng sinh biết rõ mà sinh tâm nhàm chán. Đức A-di-đà thị hiện ở cõi Tịnh độ, đem các duyên an ổn, thọ mạng dài lâu, không bị thối chuyển mà nhiếp thọ, khiến chúng sinh rõ mà sinh lòng ham muốn. Hai vị Thánh nhân đã phương tiện dùng hai pháp nhân chán và ưa muốn làm cho chánh đạo được lưu hành. Lại Đức Thích-ca ngoài việc chỉ dạy đạo Tam Thừa để giáo hóa chúng sinh, còn có những chúng sinh nào chưa kịp độ, thì nhờ Đức A-di-đà tiếp tục hóa độ nơi cõi Cực lạc. Do vậy, ở trong các kinh điển Đại thừa, đức Thế Tôn đã nhiều lần ân cần dạy bảo, khuyến khích chúng sinh cầu sinh Tây phương.” Trên đây là diễn bày sự giáo hóa giữa hai Phật Đông và Tây có liên quan lẫn nhau. Do bởi ba lý do mà tôi vừa nêu, nên trong

mười phương các Đức Như Lai, Đức Phật Thích-ca chỉ riêng suy cử Phật A-di-đà.

Hỏi: Với thuyết trong mười phương với Đức Như Lai, chỉ riêng suy cử Đức Phật A-di-đà, tông chỉ đó tôi đã nghe rõ, các pháp chán ưa, lấy bỏ cũng đã nắm bắt. Chỉ có điều nghi vấn là người tu nếu còn niệm chán, ưa, lấy, bỏ như thế có mang lỗi ghét, yêu, năng, sở hay không?

Đáp: Ông chưa rõ các việc trên, nên mới đặt ra câu hỏi nông cạn như thế. Sự chán, ưa, lấy, bỏ là không phải lòng yêu, ghét, năng, sở của thế gian, mà chính là thông pháp của các Đức Như Lai dùng để giáo hóa chúng sinh chuyển phàm thành Thánh. Nếu người tu không sinh tâm chán bỏ, thì làm sao có thể chuyển phàm thành Thánh.

Cho nên, quá trình tu từ phàm phu tiến lên Thánh vị, từ Thánh vị cho đến chứng quả Đẳng giác Bồ-tát, trong khoảng thời gian đó, các Ngài đều vận dụng các phương pháp trên. Đến khi chẳng còn chán ưa, tức là đã chứng lên ngôi vị Diệu giác. Do đó, các bậc tiên đức nói: “Cùng cực của việc chán, ưa, lấy, bỏ cùng không chán, ưa, lấy, bỏ không có gì sai khác.” Huống gì pháp môn Tịnh độ này, là hóa cơ một đời do Đức Phật Thích-ca và Đức Phật A-di-đà đồng chung lập. Đức Phật Thích Ca đang ở cõi Ta-bà này chỉ cho chúng sinh đường đến Cực lạc, Đức A-di-đà ở cõi kia đón nhận chúng sinh sang. Nếu chúng sinh không có niệm chán bỏ thì do đâu mà lìa bỏ cõi Ta-bà, không có niệm ưa, lấy thì làm sao vãng sinh đến cõi Cực lạc để tu hành, cho đến khi thành Phật, như thế các việc chán, ưa, lấy, bỏ đã không có công mà thôi, sao ông lại cho là có lỗi.

Hỏi: Với việc chán, ưa, lấy, bỏ nay tôi không còn dám luận bàn, nhưng thuyết vãng sinh có trái với lý do vô sinh hay không?

Đáp: Ngài Thiên Thai nói: “Người trí sốt sắng cầu sinh Tịnh độ, đạt đến sinh thể bất khả đắc, đó là chân vô sinh. Đây là lý tâm tịnh nên Phật độ tịnh. Còn kẻ ngu vì bị cái sinh ràng buộc, nghe nói sinh là hiểu thật có sinh, nghe nói vô sinh bèn nhận là không sinh về đâu cả, mà không biết sinh vốn là vô sinh, vô sinh đích thị là sinh.” Thiên sư Trường Lô Tông Trách nói: “Cho sinh là thật có sinh, đó là lạc vào lỗi chấp thường; cho vô sinh là không thật có sinh, đó là lỗi chấp đoạn. Sinh mà thật không sinh, không sinh mới thật là sinh. Đó là Đệ nhất nghĩa đế.” Thiên sư Thiên Y nói: “Sinh thì quyết định sinh, song về thì thật chẳng về.” Ba thuyết nêu trên, tông chỉ thật rõ ràng. Nay tôi lại dùng hai chữ tánh và tướng để giải thích rộng vấn đề này. Là tánh chân như huyền diệu vốn không sinh, do bởi nhân duyên hòa hợp mà có tướng

sinh, bởi tánh chân như vẫn hiển hiện ra các tướng, cho nên nói: “Vô sinh tức là sinh, vì tướng của nó là do tánh hiển hiện, nên gọi vô sinh.” Nếu ai hiểu được như thế thì biết được việc sinh về Tịnh độ, là sinh trong thể duy tâm, sinh mà vô sinh, lý đâu có chống trái.

Hỏi: Với học thuyết vô sinh, tông chỉ đã rõ ràng, nhưng học giả đời nay không thể hiểu được, ngàn người vạn người thấy đều nghi ngờ rằng thế giới Cực lạc cách xa cõi Ta-bà mười vạn ức Phật độ, xa như thế lúc lâm chung, sợ khó đến được. Mong Ngài có phương sách gì để giải rõ mối nghi này?

Đáp: Mối nghi này của ông thật đáng buồn cười. Tôi đã nhiều lần nói ngoài tâm không có độ, ngoài độ không có tâm, đến đây rồi mà ông còn chưa hiểu. Việc này không có gì khác, chỉ là do chúng sinh mê hoặc nhận lầm tâm mình thuộc phạm vi nhỏ hẹp trong sắc thân, mà không biết tâm lượng của nó rộng vô biên. Ông há chẳng nghe bài kệ tán thán Phật: “Tâm bao trùm thái hư, lượng khắp hằng sa cõi.” Vả lại, mười phương hư không rộng lớn vô biên, đều bị tâm lượng của chúng ta bao trùm và đầy khắp tất cả. Hằng sa thế giới vô lượng vô biên, đều ở trong tâm ta, mỗi mỗi biến khắp. Như đây mà thấy, cõi Cực lạc xa mười vạn ức Phật độ, đều ở trong tâm ta, kỳ thật rất gần có gì là xa. Vì ngay khi mạng chung được vãng sinh, thì cũng chính là sinh trong tâm ta, kỳ thật rất dễ, có chi là khó. Ông há không thấy trong Tịnh độ Thập Nghi luận nói: “Mười vạn ức Phật độ là đối với tâm lượng của hàng phàm phu nhục nhãn trong nẻo sinh tử mà nói đó thôi. Còn đối với chúng sinh khi nghiệp đã thành tựu, lâm chung tâm ở trong định, tức là tâm thọ sinh Tịnh độ, khi mới động niệm tức đã vãng sinh. Nhân đó, kinh Thập lục quán nói: “Thế giới Cực lạc của Đức Phật A-di-đà, đến đó không xa.” Lại nghiệp lực không thể nghĩ bàn, một niệm liền sinh, chớ lo đường xá xa xôi. Lại như người nằm trong mộng, thân tuy ở trên giường nhưng ý thức đã ở khắp mười phương, việc vãng sinh Tịnh độ cũng như vậy.

Kinh nói: “Trong khoảng khảy móng tay, liền được vãng sinh.” Lại nói: “Thời gian chỉ khoảnh khắc.” Cho nên, Tự tín lục nói: “Mười vạn ức cõi trong khoảnh khắc liền đến, vì tự tâm vốn nhiệm mầu.” Các loại thí dụ trên đại ý nói, vì sinh trong chân tâm rộng lớn của mình, nên rất gần và rất dễ sinh vậy. Nay tôi tạm không nói đến tâm rộng lớn, chỉ căn cứ vào tâm lượng phàm phu hạn hẹp của ông thôi, nói ra một thí dụ: Thí như ở đây đi đến Tây Thiên trúc, phải trải qua hơn mười vạn dặm, lộ trình đi phải qua rất nhiều nước. Có một người bản thân tuy chưa đến, nhưng từng nghe người khác kể lại xứ Thiên trúc một lần, ghi

nhớ trong tâm. Người đó sau này khi nằm ngò, bỗng động niệm nhớ lại xứ Thiên trúc, suy nghĩ ngàn dặm là đến nước nào, liền đến nước đó, suy nghĩ muôn dặm là đến nước nào, liền đến nước đó, suy nghĩ xứ Thiên trúc liền đến Thiên trúc. Lấy việc này để so sánh với việc vãng sinh Tịnh độ, cả hai đồng một đạo lý. Như thế há không phải trong một khoảng khảy móng tay, động niệm là đến, có gì là khó vãng sinh đâu. Ông không tu Tịnh nghiệp mà muốn vãng sinh về thế giới Cực lạc, cố nhiên là cực khó, bằng như Tịnh nghiệp thành tựu, thì việc vãng sinh rất dễ. Chỉ cần quyết tâm, thì sẽ được mãn nguyện.

Hỏi: Không tu Tịnh nghiệp, muốn được vãng sinh Cực lạc là khó, đó là điều chắc chắn. Cớ sao trước Ngài nói hàng phàm phu nghịch ác, lâm chung cũng có thể vãng sinh. Điều này chưa nghe Ngài giải thích, tôi lại có sự nghi ngờ, mong Ngài vì tôi mà chỉ dạy cho?

Đáp: Kinh Thập lục quán nói: “Hạ phẩm hạ sinh là, hoặc có chúng sinh gây các nghiệp bất thiện, tạo ngũ nghịch, thập ác và các việc không lành, do nghiệp ác này đáng đọa vào địa ngục, trải qua nhiều kiếp thọ khổ vô cùng, như người ngu này, đến khi lâm chung, gặp được Thiện tri thức, an ủi và thuyết pháp cho nghe, dạy cho niệm Phật, song vì người này bị sự khổ bức bách không thể nhớ Phật được, thiện hữu liền bảo: “Nếu ông không thể nhớ Phật, thì nên chí tâm xưng danh hiệu Phật Vô Lượng Thọ. Như thế nhờ sự chí tâm, khiến âm thanh không gián đoạn, đầy đủ mười niệm, xưng Nam-mô A-di-đà Phật, ở trong mỗi niệm, dứt trừ tám mươi ức kiếp sinh tử trọng tội. Khi người đó niệm Phật, thấy sen vàng chói sáng như vầng nhật hiện ra ở trước, trong khoảng một niệm, liền được vãng sinh. Ở trong hoa sen đủ hai mươi đại kiếp, hoa sen mới nở, người đó thấy Bồ-tát Quán Âm, Thế Chí dùng tiếng đại bi, vì mình mà rộng nói Thật tướng các pháp và cách trừ diệt tội chướng. Người đó nghe rồi tự nhiên hoan hỷ, ngay đó phát tâm Vô thượng Bồ-đề.”

Đoạn kinh trên đã chỉ rõ cảnh tượng của bậc hạ phẩm hạ sinh, tuy phải trải qua thời gian mười hai kiếp ở trong hoa sen, nhưng sự thọ dụng khoái lạc đồng như ở cung trời Đao lợi. Cho nên Cổ đức nói: “Trong hoa khoái lạc như cung trời Đao lợi, không giống trong thai mẹ cha ở nhân gian.” Kẻ tạo đủ tội ngũ nghịch thập ác, mà vẫn được vãng sinh, theo Quán kinh sơ là: “Bởi nhờ chí tâm niệm Phật mà diệt trừ tội chướng, do đó lấy niệm Phật làm thắng duyên.” Tôi nghiên cứu ý kinh, thì nhờ công đức niệm Phật mà diệt tội nên được vãng sinh. Nhưng tham khảo các kinh luận và số giải về Tịnh độ, thì sự vãng sinh của hạng người cực ác, ước hết trong ba nghĩa:

Nghĩa thứ nhất, hoặc có người hỏi vì sao người ác chỉ niệm Phật trong một thời gian ngắn mà có thể thắng được nghiệp ác trọn đời?

Đáp: Người đó niệm Phật tuy ít, nhưng tâm lực rất mạnh mẽ, đây là tâm quyết định dũng mãnh, gọi là đại tâm. Vì quyết lìa bỏ thân này, như người lâm trận, không tiếc thân mạng, gọi là người rất có sức mạnh.

Nghĩa thứ hai, là người này tuy tạo nghiệp ác, nhưng hoặc hiện đời đã từng tu Tam-muội, cho nên khi lâm chung, nghe người khác nhắc bảo, thì định tâm rất dễ thành. Đây là hạng người mà trong nhà Phật gọi là hạng thừa cấp giới hoãn. Nếu người đó hiện thời không tu Tam-muội, cũng là đời trước đã trồng nhân tu, đời nay chín muồi. Vì túc nghiệp đời trước rất mạnh, nên đến khi lâm chung gặp được Thiện tri thức, giảng về công đức thập niệm.

Nghĩa thứ ba là, nếu không do nhân tu trước gieo, lại hiện đời chẳng có sự tu hành, nhưng khi lâm chung, người đó niệm Phật với tấm lòng tha thiết sám hối. Cho nên Ngài Vĩnh Minh nói: “Thiện ác không định, bởi thể nhân duyên của nó vốn không. Muốn biết đường siêu đọa, phải nhìn tới tâm niệm kém hơn. Một lượng vàng ròng, thặng xa bông gòn trăm lượng; một chút lửa le lói, đốt tiêu rơm cỏ muôn trùng.”

Hỏi: Sống trong cõi ngũ trước ác thế, mọi người ai cũng đều có tội, giả sử không tạo trọng tội ngũ nghịch, thì cũng tạo tội khác, làm sao tránh khỏi. Nếu không sám hối để tội nghiệp tiêu diệt, mà đến lúc lâm chung niệm Phật, họ cũng được vãng sinh hay sao?

Đáp: Những người này chưa sám hối, nhưng tội chướng chưa hết cũng được vãng sinh. Đây là nhờ sức đại nguyện bất khả tư nghì của Đức Phật A-di-đà. Kinh Na Tiên Tỳ-kheo nói: “Như đem tảng đá thật to để trên thuyền, do nhờ sức thuyền nên đá không bị chìm và được chuyển sang bờ bên kia. Nếu không có thuyền thì dù đem hạt cát để xuống nước, hạt cát vẫn bị chìm.” Dụ như người ở thế gian này, một đời tạo ác, khi lâm chung niệm Phật, cũng không bị đắm chìm. Còn nếu không niệm Phật, tuy chỉ tạo các việc ác nhỏ, cũng bị đắm chìm, huống đó là người trọn đời tạo ác ư. Thuyền dụ cho Phật lực, đá dụ cho ác nghiệp của chúng sinh. Cho nên, người xưa có thuyết đời nghiệp vãng sinh. Trong văn Tứ độ cũng nói: “Người còn đủ các hoặc nhiễm, vẫn được vãng sinh về Đồng cư Tịnh độ.” Lại như Tăng Hùng Tuấn khi lâm chung thấy nước biển đồng sôi, lại có người ở Phần châu, khi sống chuyên nghiệp giết trâu, khi lâm chung thấy bầy trâu ô ạt kéo đến muốn chém, khiến vô cùng thống khổ. Lại như Trương Chung Quỳ, chuyên nghiệp giết gà, lâm chung thấy thần nhân xua bầy gà đến mổ khắp hai

con mắt, máu huyết dầm dề trên giường. Những vị đó lâm chung trong khi hoảng sợ, nhờ xưng danh Phật mới được vãng sinh, đây chẳng phải là bằng chứng là nhờ sức Phật cứu độ hay sao.

Tôi xin đem một ví dụ nữa để giải thích rõ điều này, như có người phạm pháp luật, đáng lẽ phải bị tù ngục, nhưng kẻ ấy nhờ biết cầu cứu với vua, do vua tuyên triệu, nên quan không thể gia hình, còn lại được triệu về kinh. Vì thế bộ Tây Tư Sao nói: “Chúng sinh được sinh về Tịnh độ, là do nhờ tha lực; Đức Thích-ca chỉ đường, Đức A-di-đà tiếp dẫn, chư Phật hộ niệm. Ví như người vượt qua biển cả, đã được thuyền to, lại nhờ người khéo dẫn dắt, thêm vào đó, sức gió thuận, nên có thể mau đến bờ bên kia. Nếu không chịu bước lên thuyền, lưu liên nơi miền ác đạo, đó chính là lỗi của ai?”

Hỏi: Trước có nói: “Hàng phàm phu bác địa cũng được chứng lên ngôi bất thoái, đây ắt hẳn đã không còn ác nghiệp nữa. Còn kẻ đời nghiệp vãng sinh có thể được địa vị Bất thoái không?”

Đáp: Điều được bất thoái. Kinh nói: “Những ai sinh về cõi Cực lạc, thấy đều trụ nơi chánh định tụ.” Lại nói: “Ở trong cõi Cực lạc, chúng sinh nào được sinh về đó, đều là bậc A-bệ-bạt trí.” Lại trong Thập Nghi luận nói: “Có năm nguyên nhân khiến cho người vãng sinh được bất thoái:

1. Do nguyện lực đại bi của Phật A-di-đà nhiếp trì nên được bất thoái.
2. Do hào quang của Phật thường chiếu đến thân, khiến tâm Bồ-đề luôn tăng trưởng, nên được bất thoái.
3. Chim, nước, rừng cây, gió, âm nhạc thường phát ra tiếng khỗ, không, vô thường, vô ngã, hành giả nghe rồi sinh lòng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, nên được bất thoái.
4. Cõi Cực lạc thuần các vị Bồ-tát là bạn lữ, không có cảnh ác duyên, bên ngoài không có tà ma quỷ thần, bên trong không có ba độc, các phiền não thấy đều không khởi, nên được bất thoái.
5. Đã được sinh về cõi Cực lạc, thì mạng sống dài lâu, đồng với chư Phật, Bồ-tát nên được bất thoái.”

Lại cổ nhân nói: “Đã không nguyện sinh Tịnh độ thì thôi, có nguyện đều được vãng sinh. Đã không được sinh Tịnh độ thì thôi, đã được vãng sinh tất vĩnh viễn đều được bất thoái chuyển.”

Hỏi: Kẻ một đời tạo ác, khi lâm chung niệm Phật liền được đời nghiệp vãng sinh, lại còn chứng bất thoái chuyển, nguyện lực của Phật Di-đà thật chân thành, thật sâu xa không thể nghĩ bàn. Vậy thì chúng ta

ở trong đời này, cứ làm mọi sự nghiệp thế gian, đợi đến khi lâm chung, rồi sẽ niệm Phật được không?

Đáp: Khổ thay, khổ thay! Lời nói của ông vô cùng sai lầm. Rượu thạch tín là loại độc trong tất cả các loại rượu, nay lời nói của ông, độc hơn cả rượu thạch tín. Chẳng phải riêng hại bản thân ông, lại còn hại cả thiên hạ, nếu như tăng hay tục, thiện nam tín nữ đều nghe theo ông. Sở dĩ hàng phàm phu thập ác lâm chung biết niệm Phật, là do đời trước họ đã có thiện căn, phước đức nhân duyên mới gặp được Thiện tri thức, mới niệm được danh hiệu Phật. Việc đó chỉ là muôn một, trong vạn người chỉ có một hoặc nửa người. Ông cho rằng mọi người khi lâm chung, đều gặp được sự may mắn này hay sao. Há không thấy trong Quần nghi luận nói: “Trong thế gian có mười hạng người khi lâm chung không thể niệm Phật được:

1. Thiện hữu chưa hẳn đã gặp, nên không ai khuyên niệm.
2. Nghiệp khổ bức bách nơi thân, không yên ổn, rảnh rỗi mà niệm Phật.
3. Hoặc bị trúng phong cứng họng, không thể xưng danh hiệu Phật.
4. Cuồng loạn mất trí, không thể chú tâm tưởng Phật.
5. Hoặc gặp tai nạn nước lửa, mất sự điềm lĩnh chí thành.
6. Hoặc gặp cạp beo, ác thú làm hại, không gặp được thiện hữu.
7. Khi lâm chung bị ác hữu phá hoại lòng tin.
8. Gặp bạo bệnh rồi hôn mê bất tỉnh mà qua đời.
9. Bị trúng thương rồi thoát chết giữa trận.
10. Từ trên cao té xuống mà hoại mất tánh mạng.”

Mười việc trên đây, đều là những việc mọi người thường thấy, thường nghe, không luận hàng tăng tục hay nam nữ, mọi người ai cũng có thể vướng vào. Hoặc do nghiệp nhân đời trước đã chín muồi, hoặc nghiệp hiện tại cảm đến, nên sự việc bỗng nhiên hiện ra, không thể trốn tránh được. Ông nay không phải là bậc Thánh nhân có thần thông, có thể biết được khi lâm chung có nghiệp hay không có nghiệp. Lại ông chẳng phải là bậc tha tâm thiên nhãn, có thể biết được khi lâm chung chết tốt hay xấu. Giả sử gặp phải một trong mười nạn trên liền biết làm sao, khi đó trở tay sao kịp, chừng đó dù Phật sống hay Thiện tri thức cứu cũng thể được, bèn tùy theo nghiệp mà thọ khổ báo, thần thức sẽ đọa vào tam đồ bát nạn vô lượng khổ. Đến lúc đó rồi, thì muốn nghe danh hiệu Phật, vẫn không nghe được.

Giả sử ông không bị các duyên ác đó, chỉ có bệnh nhẹ mà chết,

lúc đó cũng không tránh khỏi bị gân xương co rút, tứ đại phân ly. Trạng thái lúc đó như con đười ươi bị lột hết vảy, con cua rớt vào nước sôi, thống khổ bức bách, đau đớn kinh hoàng, do đó cũng không thể an tâm mà niệm Phật. Lại giả sử ông không bệnh mà chết, nhưng duyên đời chưa dứt, niệm tục chưa xong, nổi tham sống sợ chết, khiến cho tâm lý rối loạn. Nếu là người thế gian, lại còn thêm việc nhà cửa chưa yên, hậu sự chưa xong, vợ con khóc lóc, trăm mối ưu tư, cũng không thể an tâm mà niệm Phật. Lại giả sử trước khi ông chết, chỉ có vài cơn bệnh thống khổ nơi thân, phải gắng chịu sự đau đớn nơi thân, rên rỉ không yên, tìm thầy hỏi thuốc, sám hối cầu đảo, tạ niệm rồi ren, cũng không thể an tâm mà niệm Phật. Lại giả sử trước khi ông chưa bệnh, chỉ là tuổi già sức yếu, tướng suy hiện ra, đủ sự buồn suy, ảo não buồn than, chỉ lo thân già còn chưa xong, thì làm sao còn an tâm mà niệm Phật. Lại giả sử khi ông còn trẻ, đang lúc thiếu niên cường tráng, đó là lúc niệm Phật tốt nhất, nhưng bởi tâm cuồng vọng chưa yên, việc đời chưa xong, bôn tẩu Đông tây, ngày đêm loạn tưởng, nghiệp thức rối bời, cũng không thể an tâm mà niệm Phật. Lại giả sử lúc ông thanh nhàn tự tại, có chí tu hành, nhưng đối với tướng thế gian, nếu nhìn không thấu, buông không xuống, nắm không vững, dứt không xong, hốt nhiên gặp cảnh duyên không thể tự chủ, tâm tùy theo cảnh mà điên đảo, cũng không thể an tâm mà niệm Phật.

Ông xem khi còn thiếu niên cường tráng cho đến lúc già bệnh, nếu không còn một chút việc đeo đẳng nơi tâm, còn không niệm Phật được, huống là lúc lâm chung. Huống gì ông lại cho cứ làm các sự nghiệp thế gian, đợi đến khi lâm chung rồi sẽ niệm Phật. Ông thật là người ngu si, nên thốt ra những lời ngu si, dám bảo chỗ dụng tâm của ông thật là lầm lỗi. Vả lại các sự nghiệp thế gian, vốn như giấc mơ, như trò huyễn, như bóng bọt, như tiếng vang, chỉ thoáng chốc có rồi không, nó chỉ làm duyên tăng trưởng trên đường sinh tử. Giả sử cuộc đời ông có xây dựng chùa to tháp lớn, gây nên thanh thế địa vị, kết thân với kẻ quyền quý giàu sang, ông cho rằng đó là làm được các việc tốt, đâu biết đó là phạm vào lời răn dạy của các Đức Như Lai. Do đó, cổ đức có lời khuyên rằng: “Người xuất gia nếu chưa chứng đạo, thì đừng quá chú trọng nơi các công đức hữu vi, chỉ làm tăng thêm lỗi lầm, thiên đường chưa tạo, địa ngục trước thành, nếu sinh tử chưa rõ, thì đều là gốc khổ. Một mai nhắm mắt rồi, thọ các sự thống khổ, mới biết các việc làm trong đời này đều là trên gông cùm thêm xiềng xích, dưới vạc nóng thêm củi than, trên kiếm thọ lại thêm dao bén, dưới ca-sa đã nát thân hình, muôn kiếp

khó làm thân người, nghe nói nổi sinh tâm bi lụy, nước mắt đầm đìa.” Tổ sư đã tha thiết khuyên răn như thế, đâu có lời hứa cho ông tạo tác duyên đời, rồi đến khi lâm chung mới niệm Phật?

Ông lại không nghe thiền sư Tử Tâm nói: “Con người thế gian, tài bảo như núi, thê thiếp đầy nhà, đêm ngày hoan lạc, đâu phải họ không muốn sống lâu ở đời. Nhưng ngặt nổi cuộc đời có hạn, tháng năm thúc giục tuổi già, cái chết đâu thiên vị kẻ giàu sang, sức nghiệp đâu nề người tài trí. Cái già, bệnh, chết không thuận nhân tình, quỷ vương vô thường, sao tránh mặt mũi, vả lại những việc như thế mọi người mắt đã từng thấy, tai đã từng nghe. Nên biết, quyến thuộc thân tình trước còn sau chết, bạn bè huynh đệ sinh sau ta còn lại được mấy người. Người thế gian nói: “Đợi đến già rồi sẽ niệm Phật”, nhưng ở đời có mấy người đợi được đến già, không biết thiếu niên cường tráng chết yểu rất nhiều. Cổ đức nói: “Chớ đợi đến già rồi niệm Phật, đồng hoang mộ trẻ đã nhiều đây.” Lại nói: “Con người từ lúc còn trẻ, cưới vợ nuôi con, kinh doanh tính toán, phải chịu biết bao nỗi khổ nhọc đắng cay. Hốt nhiên ba tất hơi tàn, tránh sao một sớm mạng chết. Nếu là con cháu hiếu thuận, thì mời vài vị Tăng đến tụng cho năm ba bộ kinh, đốt hương đèn vàng mã, đến ngày kỵ giỗ lại sắm cơm canh cúng quảy, khóc cho mấy tiếng, đó gọi là con cái còn biết tưởng nhớ đến cha mẹ. Nếu là đứa con bất hiếu, cha mẹ mới chết, thân thể chưa lạnh, đã lo tranh chấp tài sản, chia chác ruộng vườn, tự ý ăn chơi khoái lạc, số như thế rất nhiều. Cho nên, người xưa nói: “Con cháu mỗi người tự có phước riêng, chớ vì nó mà suốt đời làm thân trâu ngựa.” Lại xin dẫn lời chư cổ đức: “Cười thương kẻ giàu sang; lo giàu thêm rộn ràng; hủ gạo sinh sâu mọt; kho tiền đầy gối ngang; ngày cầm cân suy nghĩ; đêm thấp đức tính toan; hình hài trở lẫn thẩn; tâm trí rối bâng hoàng; vô thường khi chợt đến; biển nghiệp sóng mênh mang.” Ngài Tử Tâm đã tha thiết khuyên nhắc như thế, đâu có hứa cho ông mãi làm các sự nghiệp thế gian, rồi đến khi lâm chung làm sao niệm Phật được?

Nên xét: con người ở đời, sống có được bao lâu, như lửa nhám thân đá, chớp giạt lưng trời, thấy đó rồi mất đó. Ông phải thừa trước lúc già chưa bệnh, rửa sạch thân tâm, gác qua thế sự, được một ngày sáng tối lo một ngày niệm danh hiệu Phật, được một thời công phu thì tu một thời Tịnh nghiệp. Do đây, đến lúc lâm chung, dù chết lành hay chết dữ, thì mọi việc đều an bài, con đường vắng sinh Tây phương của ta đã rộng mở. Bằng chẳng được như thế, sau này hối hận không kịp, ông nên suy nghĩ kỹ.

Hỏi: Lời nói của tôi thật quá lỗi lầm, dù có dong xe bốn ngựa cũng không thể vượt kịp. Nay nghe lời dạy của Ngài, ai mà chẳng lạnh lòng. Ngặt nổi lòng người dễ tiến mà dễ thoái, một khi nghe rằng nhắc thì dừng mãnh tinh tấn, nhưng bỗng gặp một vài chướng ngại trước mắt lại muốn quay đầu, riêng cầu phương tiện. Con người phần nhiều đều nói: kết quả của Tịnh nghiệp chỉ là việc sau khi chết, còn chuyện trước mắt thì không lợi ích gì, do đây thân tâm theo đó phóng dật, đó cũng là duyên cơ thoái thất thích đáng của người tu?

Đáp: Chỗ thấy của ông chưa rộng. Ông há không thấy trong kinh nói: “Người nào thọ trì danh hiệu Phật, hiện đời sẽ được mười điều thắng lợi:

1. Ngày đêm thường được tất cả chư Thiên, đại lực thần tướng, hằng sa quyến thuộc ẩn mình theo ủng hộ.
2. Thường được hai mươi lăm vị Bồ-tát, như Bồ-tát Quán Thế Âm, ... và tất cả các vị Bồ-tát khác thường đi theo ủng hộ.
3. Thường được chư Phật ngày đêm hộ niệm, Đức Phật A-di-đà thường phóng ánh sáng, nhiếp thọ người này.
4. Tất cả ác quỷ, hoặc Dạ-xoa, hoặc La-sát không thể làm hại, tất cả rắn độc, rồng độc, thuốc độc, thủy đều không thể xâm hại.
5. Các nạn nước lửa, giặc oán đao tên, gông xiềng, tù ngục, hoạnh tử, cuồng tử, thủy đều không phải chịu.
6. Các nghiệp đã làm trước đây, thủy đều tiêu diệt, những oan mạng bị đương nhân giết, nhờ công đức niệm Phật thủy đều được giải thoát, lại không còn báo thù.
7. Đêm ngủ mộng thấy toàn việc lành, hoặc thấy sắc thân vi diệu của Phật A-di-đà.
8. Tâm thường hoan hỷ, nhan sắc sáng nhuận, khí lực sung mãn, việc làm luôn có kết quả tốt đẹp.
9. Thường được mọi người trong thế gian cung kính cúng dường, hoan hỷ lễ bái như cung kính Phật.
10. Sau khi mạng chung, tâm không sợ hãi, chánh niệm hiện tiền, được thấy Đức Phật A-di-đà và các bậc Thánh tay bưng đài vàng tiếp dẫn vãng sinh về Tây phương Cực lạc, cùng tận kiếp vị lai hưởng thọ mọi sự vui màu nhiệm.

Mười điều lợi ích trên đây, kinh văn đã ghi lại, chính do từ kim khẩu của Phật nói ra, đã có sự lợi ích trong đời này và đời sau. Do đó, pháp Tịnh độ là pháp khẩn yếu trong các môn thế và xuất thế gian. Ông chỉ nên tinh tấn niệm Phật, chớ nên ôm lòng hoài nghi.

Hỏi: Môn niệm Phật, đã nhờ Ngài nhiều lần chỉ bày, khiến các mối nghi của tôi được tiêu tan, chánh tín hiện tiền. Nhưng văn trên có nói: “Rủ sạch thân tâm, gác qua thế sự.” Nay con người trong đời, kẻ có được cảnh duyên thuận tiện, thân ý an nhàn, thì có thể y theo đây mà tuân hành, như có người việc đời trăm mối buộc ràng, không thể thoát ra được, thì nên làm cách nào để thực hành theo các lời Ngài chỉ bày?

Đáp: Con người ở trong đời, nếu biết thống niệm về sự vô thường, dụng tâm chân thật tha thiết, không luận gặp cảnh khổ vui, nghịch thuận, động tĩnh gấp, huyên, hoặc làm các chức vụ công tư, hoặc khi tiếp tân đãi khách, đối xử muôn duyên, ứng thù tám mặt, cùng với việc niệm Phật cũng không có gì ngăn ngại. Ông không thấy người xưa nói: “Mai lại A-di-đà, chiều cũng A-di-đà, dù gấp như tên bắn không rời A-di-đà.” Lại nói: “Trúc rậm chẳng vương dòng nước chảy, non cao nào ngại mây trắng bay.” Ngoài ra kẻ thế duyên bận rộn, năng lực yếu kém, cũng nên trong gấp tìm chút rảnh, trong động tìm chút yên. Mỗi ngày nên niệm một vạn hay ba vạn câu, một ngàn hay ba ngàn câu Phật hiệu, làm định khóa mỗi ngày, không nên ngày thì niệm quá nhiều, ngày thì lại chểnh mảng. Nếu vị nào quá bận rộn không có thời gian rảnh rỗi, thì mỗi sớm mai nên hành pháp thập niệm, công phu tích chứa lâu ngày, cũng không luống bỏ. Ngoài thời gian niệm Phật, còn gia thêm các việc tụng kinh, lễ Phật, sám hối phát nguyện, rộng tu các pháp kết duyên để tăng phần phước, tùy sức bố thí, tu tạo các công đức lành để trợ duyên với pháp niệm Phật. Phàm có làm một việc cực nhỏ nào, cũng đều hồi hướng về Tây phương, cứ dụng công như thế này, chẳng những quyết định được vãng sinh, mà còn tăng thêm phẩm vị.

Hỏi: Tôi chỉ từng nghe Ngài dạy pháp niệm Phật, nhưng chưa nghe nói công đức của niệm Phật. Vả lại pháp thập niệm hồi hướng, tôi cũng chưa được hiểu rõ, mong Ngài vì tôi mà giải thích?

Đáp: Người tu niệm Phật, hoặc chuyên duyên tưởng ba mươi hai tướng tốt, buộc tâm vào định, mở mắt, nhắm mắt, thường được thấy Phật. Hoặc chỉ chuyên xưng danh hiệu Phật, chấp trì không tán loạn, cũng ngay trong đời này mà được thấy Phật. Hiện nay, phần nhiều người tu Tịnh độ, đều lấy pháp xưng danh hiệu Phật làm thắng. Pháp xưng danh, cần nên chế tâm lại, không để tán loạn, niệm niệm nối nhau buộc tâm nơi câu niệm Phật. Khi miệng niệm danh hiệu Phật A-di-đà, tâm phải dõi theo, mỗi chữ phải rõ ràng. Khi xưng danh hiệu Phật, phải nên nhất tâm nhất ý, tâm tâm tương tục, dụng công như thế, mới được gọi là trong một niệm có thể tiêu diệt được tám mươi vạn ức

kiếp sinh tử trọng tội. Còn bằng nếu không dụng công niệm Phật được như thế, thì sự diệt tội rất khó.

Pháp tu Thập niệm là sáng sớm mỗi ngày day mặt về hướng Tây, đứng thẳng chấp tay, niệm danh hiệu A-di-đà liên tục, hết một hơi được kể một niệm. Như thế niệm mười hơi, thì gọi là thập niệm. Nhưng tùy theo hơi ngắn hay dài của mỗi người mà không hạn chế số câu Phật hiệu nhiều hay ít, chỉ cần bền lâu. Ngoài ra âm thanh Phật hiệu, không cao, không thấp, không nhanh không chậm, chớ để tâm tán loạn. Như thế mười hơi, liên tục không gián đoạn, nhờ chú ý tâm không tán loạn, lấy sự chuyên tinh làm công, pháp tu như thế gọi là pháp Thập niệm, hiển rõ việc mượn hơi thở để buộc tâm. Trọn cả cuộc đời, không được một ngày nào quên bỏ việc hồi hướng phát nguyện. Nghĩa là sau khi niệm Phật, dùng tâm chí thành nói rằng: “Đệ tử con là... một lòng hướng về thế giới Cực lạc của Đức Phật A-di-đà, nguyện Ngài lấy hào quang tịnh soi chiếu thân con, lấy sức từ thệ nguyện nhiếp thọ con. Nay con chánh niệm, xưng danh hiệu Ngài, là vì đạo Bồ-đề, cầu sinh Tịnh độ. Đức Phật A-di-đà xưa kia có lời thệ nguyện: “Nếu có chúng sinh nào, muốn sinh về nước tôi, cho đến mười niệm, nếu chẳng đặng sinh, tôi nguyện không thành Chánh giác.” Con nguyện nhờ nhân duyên niệm Phật này, mà được nhập vào trong bể đại thệ của Như Lai, nương nhờ sức từ của Phật, các tội tiêu diệt, nhân duyên Tịnh độ tăng trưởng đến khi gần giờ lâm chung, biết trước giờ chết, thân không bệnh khổ, tâm không tham luyến, ý không điên đảo, như nhập vào thiền định, Phật và Thánh chúng, tay bưng kim đài, đồng đến tiếp dẫn, trong khoảng một niệm, sinh nước Cực lạc, hoa nở thấy Phật, liền nghe Phật thừa, sớm nở Phật tuệ, rộng độ chúng sinh, mãn Bồ-đề nguyện.

Pháp thập niệm Phật trên đây, cho đến việc hồi hướng, đều là những lời chỉ dạy rất khẩn thiết cần yếu của chư tiên đức. Môn này lưu truyền đã lâu và thanh hành ở đời, người niệm Phật nên tuân hành.

Hỏi: Đối với con người trong lưới tục, chư vị cổ đức đã tùy theo căn cơ chỉ dạy các phương pháp tu hành rất cặn kẽ, rõ ràng. Nhưng chúng tôi là người xuất gia, nên làm thế nào để dụng công?

Đáp: Trước tôi đã nói, sự tu hành có rất nhiều môn. Trong nhiều môn đó có thể nhiếp thành ba môn, đó là quán tưởng, ức niệm và chúng hành. Ba môn như thế, mỗi mỗi môn đều có thể tu, hoặc là chuyên tu hoặc kiêm tu, tùy theo yêu thích của mình.

Hỏi: Pháp tu Viên quán, pháp niệm duy tâm, tựa như là hành môn của hàng thượng căn. Mười niệm trong kinh Hoa Nghiêm, mười tâm

trong kinh Đại Bảo Tích cũng là chỗ dụng công của hàng đại căn. Nếu như căn khí không xứng, thì công hạnh khó thành. Nay tôi tự lượng căn tánh và sở thích của mình, chỉ hợp với pháp chuyên trì danh hiệu, nếu rảnh thì gia thêm lễ bái sám hối mà thôi, không rõ ý Ngài như thế nào?

Đáp: Lành thay! Lành thay! Ông đã tự lượng biết sức mình. Xét lời nói của ông, chính là phù hợp với pháp chuyên tu vô gián của đại sư Thiện Đạo. Pháp chuyên tu vô gián là do chúng sinh chướng động, tâm thô tháo, ý thức rối bời, thần loạn mà cảnh lại vi tế, nên pháp quán rất khó thành tựu. Vì thế, đấng Đại Thánh thương xót trực tiếp chỉ dạy pháp chuyên trì danh hiệu, vì xưng danh rất dễ, niệm niệm tương tục liền được vãng sinh. Nếu có thể mỗi niệm mỗi niệm tương tục, cho đến khi mạng chung, thì mười người tu, mười người được vãng sinh, trăm người tu thì trăm người được vãng sinh. Vì sao như thế? Vì không có tạp niệm nên được chánh niệm, vì cùng bản nguyện của Phật tương ứng, vì không trái với giáo pháp, vì thuận theo lời Phật dạy. Nếu bỏ pháp chuyên tu này mà tạp tu các nghiệp khác, để cầu sinh Tây phương, thì trong trăm người tu, chỉ có một hai người vãng sinh, trong ngàn người tu hy vọng chỉ có ba bốn người vãng sinh. Do vì tạp duyên làm loạn động, khiến mất chánh niệm, vì cùng với bản nguyện Phật không tương ứng, vì trái ngược với giáo pháp, không thuận với lời Phật dạy, vì buộc tâm không tương tục, vì tâm không tương tục báo ân Phật, vì tuy có hạnh nghiệp nhưng thường cùng tương ứng với danh lợi, vì ưa thân cận tạp duyên làm chướng ngại cho Sự vãng sinh Tịnh độ của mình và người.

Pháp tu vô gián là thân chuyên lễ Phật A-di-đà, không lễ vị Thánh nào khác, miệng chuyên xưng danh hiệu Phật A-di-đà, không xưng danh hiệu vị Thánh và trì tụng các kinh điển nào khác, ý chuyên sâu nhớ tưởng Phật A-di-đà, không xen các tạp tưởng nào khác. Lại nếu lúc khởi tâm tham, sân, si, nổi lên làm công phu gián đoạn, thì tùy phạm, tùy sám, đừng để qua cách ngày, cách đêm hay cách giờ, khiến tâm luôn thanh tịnh, đó gọi là pháp tu vô gián.

Theo Thiên trúc truyện thì Đại sư Thiện Đạo là hóa thân của Đức Phật A-di-đà. Xét thuyết chuyên tu vô gián của Ngài, khẩn yếu là ở chỗ niệm niệm tương tục. Do đó Đại sư Cô Sơn nói: “Không nên lơ là phát nguyện, tán loạn xưng danh.” Đại sư Vĩnh Minh nói: “Nên một lòng hướng về, trọn kiếp tịnh tu. Trong khi nằm, ngồi, đều day mặt về hướng Tây. Lúc hành pháp lễ bái, khi niệm Phật, phát nguyện phải khẩn thiết chí thành, không xen lẫn các tạp niệm khác. Trạng thái như người sắp bị

hành hạ lục vấn, như kẻ đang ở chốn lao ngục, như người gặp giặc oán đuổi theo, bị nạn nước lửa bức bách, một lòng cầu cứu, nguyện thoát nỗi khổ luân hồi, mau chứng Vô sinh pháp nhẫn, để rộng độ hàm thức, nối ngôi Tam bảo, đền đáp bốn ân, sự chí thành như thế, mới không hư bỏ. Hoặc như nói hạnh không tương xứng, tín nguyện không vững, tâm không niệm niệm tương tục, ý thường gián đoạn, đem sự giải đãi đó, để cầu lâm chung vắng sinh, nhưng vì nghiệp chướng che đậy, e khó gặp được Thiện hữu tri thức, lại nước gió bức bách khiến sự chánh niệm khó thành. Vì sao vậy? Bởi vì nay là nhân, lâm chung là quả. Nhân phải cho thật, quả mới không hư, như âm thanh lớn thì tiếng dội rền xa, như hình ngay thì bóng thẳng.

Hỏi: Tu sao cho niệm niệm tương tục, thật ra tôi cũng muốn được như thế. Nhưng ngặt vì định lực chưa thành, niệm đầu chưa làm chủ, hoặc tri kiến cũ chưa mất, hoặc suy nghĩ tà vạy loạn tưởng, hoặc xúc đối cảnh duyên, tự kiểm chế không được, hoặc tình tưởng rối ren, cố ngăn dẹp không xong. Bất giác niệm đầu chạy Đông chạy Tây, đi xa ngàn dặm muôn dặm mà không hay biết. Lại như trong tâm có bận lo một việc gì, thì trải qua năm ngày mười ngày, nửa tháng một tháng, tâm trí vẫn còn vương vấn chưa dứt, nói gì đến việc gián đoạn tu hành thôi vậy? Nói ra thật xấu hổ, suy nghĩ lại thật đáng thương tâm. Mong Ngài từ bi chỉ dạy phương cách gì để đối trị?

Đáp: Đây là căn bệnh chung của những kẻ học giả trong thiên hạ. Ông đương khi tu gián đoạn, nếu không thống thiết tự răn trách, thì pháp chuyên tu vô gián tuyệt hẳn kỳ thành tựu. Tôi nghe người xưa có ba điều thống thiết tự răn trách, nay lại vì ông mà nói ra, ông nên lắng nghe mà suy nghĩ.

Ba điều đó là báo ân, quyết chí và cầu nghiệm.

Thứ nhất báo ân, đã là người tu pháp môn Tịnh độ, nên nghĩ mọi cách báo ân, ân Phật ân đất nước tạm gác qua không luận bàn, chỉ như ân cha mẹ dưỡng dục, há chẳng phải là ân nặng sao. Công đức giáo dưỡng của Sư trưởng, chẳng phải là ân sâu sao. Ông mới đầu phát tâm xuất gia, là để báo đáp thâm ân. Sau này khi hành cước học đạo, là báo để báo đáp trọng đức, xa lìa làng xóm hai ba mươi năm, cha mẹ gian lao khốn khổ, ông cũng không hay, cha mẹ già bệnh, ông cũng không biết, đến như cha mẹ quá vắng ông cũng không về. Lại như cha mẹ vì nghiệp phải ở trong tam đồ, thọ khổ, ngày đêm mong ông đến cứu, ngóng ông đến độ, ông tu hành thì niệm niệm gián đoạn, Tịnh độ không thành. Tịnh nghiệp của ông đã không thành, tự cứu mình còn không được. Bản

thân còn không cứu nổi, nói gì đến việc cứu cha mẹ. Đã không cứu được cha mẹ, tức ông là kẻ vong ân bội nghĩa, là người con đại bất hiếu. Kinh nói: “Người nào phạm tội bất hiếu, sẽ đọa vào địa ngục.” Thế thì tâm niệm gián đoạn niệm Phật, chính là nghiệp nhân của địa ngục.

Vả lại ông là người không dệt mà có áo mặc, không cày bừa mà có cơm ăn, phòng ốc, giường nằm, chăn gối... ông không đổ mồ hôi mà có thọ dụng. Nay ông lại biếng trễ tu hành, tức là người vong ân với đàn-na tín thí. Tổ Sư nói: “Những phần này là do thí chủ bớt phần vợ con mà đem cúng dường, vì muốn cho đạo pháp được trường tồn. Người tu hành nếu đạo nghiệp không thành, thì dù tấc vải, hạt cơm thì kiếp sau phải làm thân trâu để đền trả.” Nay ông thì niệm niệm gián đoạn, Tịnh độ không thành. Nếu Tịnh độ không thành, tất sẽ có phần trong kiếp luân hồi vay trả. Thế thì với một tâm niệm gián đoạn, chính là nghiệp nhân của loài súc sinh.

Thứ hai là quyết định. Nếu dốc lòng theo pháp chuyên tu thì phải có ý chí quyết định. Ông một đời tu Thiền, nhưng Thiền không tỏ ngộ, một đời nghiên cứu giáo điển, nhưng tông chỉ không nắm, chí đến lúc này, tình tưởng chưa yên. Ông lúc thì nói vài ba Thiền ngữ, lúc thì nói một vài câu giáo, lúc lại muốn tả tự, lúc lại muốn làm thi, tình mắc hai bên, niệm chia bốn nẻo. Tổ Sư nói: “Tâm niệm còn vướng mắc, đó là nghiệp nhân của tam đồ. Tình tưởng vừa mới sinh, muôn kiếp bị ràng buộc.” Ông nay ý chí không có sự quyết định, tình niệm lại đa đoan. Nhân tình niệm đa đoan này làm gián đoạn sự chánh niệm. Thế là một tâm niệm gián đoạn, đó là nghiệp nhân của lưới sắt nóng và nước đồng sôi vậy.

Vả lại, ông muốn hộ trì các giới căn, nhưng ý chí không quyết định, hoặc do thân và miệng buông lung, khiến niệm niệm rong ruổi. Trong kinh dạy: “Thà lấy nước đồng sôi rót vào miệng, chứ quyết không đem cái miệng phá giới này thọ dụng thức ăn, vật uống của Đàn-việt. Thà đem dây sắt nóng quấn chặt vào thân, chứ quyết không đem tấm thân phá giới này mà thọ dụng y phục của Đàn-việt.” Huống nữa, ông do sự trì giới không tinh nghiêm, nhân đó, tình tưởng vọng động, thế thì một niệm gián đoạn, chẳng phải là nghiệp nhân giường sắt và cột đồng hay sao.

Vả lại, ông đã ý chí không quyết định đoạn trừ lòng thương ghét, đối với danh lợi hư phù, bản thân chưa phá trừ, khi danh lợi thuộc về mình, thì sinh lòng tham ái, nhưng khi danh lợi thuộc về người khác, thì sinh niệm tật đố. Cổ nhân nói: “Tham danh đắm lợi, đi vào nẻo súc

đường quý, buông lòng thương ghét, đồng vào hầm lửa vạc dầu.” Ông lại do tâm thương ghét này, mà gián đoạn sự niệm Phật, thế thì một tâm niệm gián đoạn, đó chính là nghiệp nhân của ngã quý, hầm lửa vậy.

Thứ ba là cầu sự ứng nghiệm. Người theo pháp chuyên cần nên cầu sự ứng nghiệm. Ông nay tóc bạc da môi, tướng chết đã dần hiện ra, biết từ nay đến khi lâm chung, còn được bao nhiêu ngày. Nay ông phải làm sao mà ngay đời này được thấy Phật. Ví như Pháp sư Tuệ Viễn ở Lô Sơn, trong cuộc đời Ngài đã ba phen thấy Phật xoa đầu. Lại như Pháp sư Hoài Cảm, khi mới mở miệng xưng danh, liền được thấy Phật. Lại như pháp sư Thiếu Khang, vừa xưng lên một câu hiệu Phật, liền có một vị Phật từ trong miệng bay ra, xưng câu hiệu Phật mười lần, có mười vị Phật trong miệng bay ra, tợ hồ như hạt châu nối tiếp nhau. Những sự linh nghiệm như thế của người tu Tịnh độ, có đến muôn ngàn. Ông nếu niệm Phật không gián đoạn, thì đối với việc thấy Phật không khó. Còn tâm gián đoạn phát sinh, quyết không bao giờ thấy Phật. Đã không thấy được Phật tức không có duyên với Phật, thì rất khó vãng sinh Tịnh độ. Mỗi khi đã không được vãng sinh Tịnh độ, quyết sẽ đọa vào cảnh tam đồ ác đạo. Thế thì một tâm niệm gián đoạn, đó chính là nghiệp nhân của tam đồ ác đạo vậy. Phải nên răn dè và suy nghĩ kỹ.

Ba điều răn trên đây, người tu Tịnh nghiệp cần nên ghi nhớ, tự trách răn mình một cách thống thiết, làm sao tâm không rời Phật, Phật chẳng rời tâm, đạo cảm ứng giao thông, ngay đời này sẽ được thấy Phật. Mỗi khi đã thấy Phật ở cảnh giới Liên bang, tức sẽ thấy mười phương chư Phật, là thấy vị Phật thiên chân của tự tánh. Khi đã thấy được vị Phật thiên chân của tự tánh, thì sự đại dụng sẽ hiện tiền. Sau đó mới nương theo lòng bi nguyện, rộng độ tất cả chúng sinh. Pháp tu như thế gọi là Tịnh độ thiên, mà cũng gọi là Thiên Tịnh độ. Thế thì ý của Ngài Vĩnh Minh bảo rằng: “Có Thiên có Tịnh độ; dường như cọt mọc sừng; đời này làm thầy người; đời sau làm Phật tổ.” Chẳng phải là rất ứng nghiệm trong giai đoạn này hay sao. Nên cố gắng cố gắng!

Đến đây, vị thượng nhân tu Thiên này rất hoan hỷ và kinh ngạc, lặng lẽ giây lâu, dường như tìm được vật chi đã mất. Thiên Như lão nhân lại bảo vị này:

- Thiên cùng Tịnh độ, nếu liễu thì liễu cả hai, bởi ngoài tâm không có pháp, chớ nên nhận lầm.

Vị thượng nhân tu Thiên nghe xong đánh lễ thưa rằng:

- Tôi rất may mắn được Ngài chỉ bảo. Nay tôi đã biết rõ đường về. Nói xong liền từ tạ ra về.